

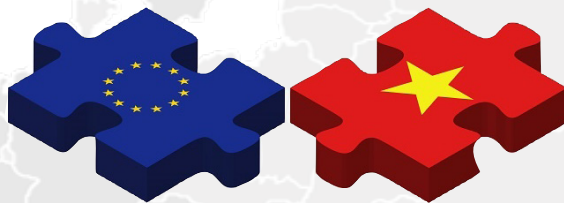
BỘ CÔNG THƯƠNG



CHUYÊN SAN

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

SỐ QUÝ 1/2025





Đơn vị thực hiện:

Vụ Phát triển Thị trường nước ngoài
Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

3 - 29 THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Quý I/2025, thương mại Việt Nam - EU tăng trưởng khả quan
- Thương mại Việt Nam và Italia chưa thể kỳ vọng bất phá
- Quý I/2025: Xuất khẩu sang Cộng hòa Séc tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao
- Xuất khẩu nông sản sang EU tăng mạnh do được giá
- Xuất khẩu hàng dệt may sang EU tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số trong quý I/2025

30 - 34 THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

- Tình hình kinh tế, thương mại của EU trong bối cảnh căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ

35 - 36 THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- Khuyến nghị doanh nghiệp về quy định mới rà soát quản lý nhập khẩu nông sản thực phẩm vào EU
- EU nói lỏng thủ tục hành chính đối với luật phá rừng



Bất chấp những đòn thuế quan từ Hoa Kỳ, nền kinh tế Liên minh châu Âu (EU) vẫn cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ hơn dự kiến trong quý đầu tiên của năm 2025. Theo Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), trong quý I/2025, nền kinh tế của 27 quốc gia thành viên EU ghi nhận tăng trưởng 0,3% so với quý IV/2024 trong ba tháng đầu năm 2025. Trong khi đó, kinh tế Eurozone đã ghi nhận mức tăng trưởng 0,4%, cao hơn mức dự báo 0,2%. Sự tăng trưởng kinh tế tốt hơn dự báo là nhờ việc các doanh nghiệp EU đẩy mạnh giao hàng trước thời điểm các mức thuế quan mới của Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực. Cùng với đó, tỷ lệ lạm phát tại EU có xu hướng giảm trong khi sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi, tỷ lệ thất nghiệp giảm, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tăng.

Đáng chú ý, hoạt động thương mại hàng hóa giữa EU với thị trường ngoại khối phục hồi. Theo ước tính của Eurostat, 02 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hàng hóa của EU đạt 434,3 tỷ EUR, tăng 5,8%; nhập khẩu đạt 416,9 tỷ EUR, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 2 tháng đầu năm 2025, EU ghi nhận thặng dư 17,4 tỷ EUR (thấp hơn so với mức thặng dư 28,5 tỷ EUR cùng kỳ năm ngoái). Trong khi đó, thương mại nội khối EU ổn định ở mức 671,8 tỷ EUR.



Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế của EU trong quý I/2025 được dự báo khó duy trì trong các quý tiếp theo do thời điểm thống kê chỉ được tính đến hết ngày 31/3/2025, trước khi Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump công bố gói thuế quan vào ngày 02/4/2025. Theo đó, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã thông báo áp thuế 20% đối với phần lớn hàng hóa nhập khẩu từ châu Âu kể từ ngày 02/4/2025, sau đó tuyên bố tạm dừng trong 90 ngày, nhưng vẫn áp mức thuế cơ bản 10% với toàn bộ hàng hóa nhập khẩu vào thị trường này. Nếu EU và Hoa Kỳ không đạt được thỏa thuận thương mại, mức thuế quan cao hơn sẽ được áp dụng, có thể gây ra một "cuộc chiến thương mại" và làm tổn hại nghiêm trọng cho kinh tế khu vực Liên minh châu Âu. Trong khi đó, hiện tại, mức thuế 25% đối với thép, nhôm và ô-tô nhập khẩu vẫn được áp dụng.

Trong bối cảnh kinh tế EU phục hồi, hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU cũng tăng trưởng khả quan. Theo thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam và EU quý I/2025 đạt 17,5 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước và Việt Nam xuất siêu sang EU 9,92 tỷ USD, tăng so với mức 8,49 tỷ USD của cùng kỳ năm 2024. Theo đó, EU hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý I/2025 đạt 13,7 tỷ USD, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 13,3% trong tổng xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Trong thời gian tới, mặc dù kinh tế vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro, tiêu dùng của EU có khả năng sẽ tiếp tục phục hồi khi lạm phát và lãi suất giảm sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này. Trong đó, xuất khẩu nhóm hàng nông sản của Việt Nam sang EU sẽ còn nhiều tiềm năng nếu các doanh nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu khắt khe của thị trường; xuất khẩu nhóm hàng tiêu dùng như dệt may, da giày sẽ tăng trưởng chậm lại do nhu cầu thị trường ở mức thấp và sự cạnh tranh gay gắt khi các nhà cung cấp lựa chọn EU là thị trường thay thế trước áp lực thuế quan của Hoa Kỳ.

Quý I/2025, THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU tăng trưởng khả quan



EU là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam sau Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Năm 2024 đã chứng kiến hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU phục hồi mạnh sau mức giảm 5,8% trong năm 2023 nhờ kinh tế EU phục hồi, lạm phát và lãi suất giảm. Cùng với đó, Hiệp định EVFTA là trợ lực quan trọng cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam khi kim ngạch xuất khẩu sang EU năm 2024 tăng tới 18,5% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu cũng tăng 11,9%.

Bước sang quý I/2025, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU tăng trưởng chậm lại do mức nền cao trong xuất khẩu của cùng kỳ năm 2024. Theo thống kê của Cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam và EU quý I/2025 đạt 17,5 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam xuất siêu sang EU 9,92 tỷ USD, tăng so với mức 8,49 tỷ USD của cùng kỳ năm 2024.

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – EU

	Năm 2024 (triệu USD)	So với năm 2023 (%)	Quý I năm 2025 (triệu USD)	So với quý I năm 2024 (%)	Tỷ trọng trong tổng cả nước (%)
Thương mại hai chiều	68.448	16,8	17.501	9,7	8,6
VN xuất khẩu tới EU	51.723	18,5	13.711	12,2	13,3
VN nhập khẩu từ EU	16.725	11,9	3.790	1,7	3,8
Cán cân thương mại	34.997	21,8	9.921		

Nguồn: Cục Hải quan

Về xuất khẩu

EU hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý I/2025 đạt 13,7 tỷ USD, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 13,3% trong tổng xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Như vậy, mặc dù tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU có chậm lại trong 3 tháng đầu năm 2025 nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng 2 con số.



Về thị trường: trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn trong khu vực EU tăng so với cùng kỳ năm 2024, đặc biệt xuất khẩu sang Đức, Ba Lan, Pháp, Áo, Séc, Slovakia, Thụy Điển, Ailen... tăng mạnh; trong khi xuất khẩu sang thị trường Italia, Bỉ, Slovenia... giảm. Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang khối EU có nhiều biến động khi tỷ trọng xuất khẩu sang Đức, Ba Lan, Pháp, Áo... tăng; ở chiều ngược lại tỷ trọng xuất khẩu sang Hà Lan, Italia... giảm

Đáng chú ý, sau khi tăng chậm hơn mức tăng trưởng chung của khối trong năm 2024, quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đức bứt tốc, tăng 28,51% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 2,44 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang Đức tăng mạnh như: cà phê tăng 17,4% về lượng và tăng 107% về kim

ngạch; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 64,2%; hàng dệt may tăng 21,1%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 52,2%; sản phẩm từ sắt thép tăng 56,3%, hàng thủy sản tăng 26,4%... Tuy nhiên xuất khẩu điện thoại các loại sang Đức giảm 10,6%, kim loại thường khác giảm 19%, cao su giảm 33,3%... Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đức tăng trưởng khả quan khi kinh tế nước này quý I/2025 có tín hiệu phục hồi. Theo ước tính sơ bộ của cơ quan thống kê liên bang Đức, quý I/2025 kinh tế Đức tăng trưởng 0,2%, sau mức giảm 0,2% trong quý trước đó, được hỗ trợ bởi lạm phát giảm và chi phí vay thấp hơn, giúp thúc đẩy nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, mới đây, chính phủ Đức đã cắt giảm dự báo kinh tế năm 2025 trước chính sách thuế quan của Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump, do Đức vốn phụ thuộc vào xuất khẩu và Hoa Kỳ là đối tác thương mại quan trọng của quốc gia này.

Quý I/2025, Hà Lan vẫn là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam trong khối EU với kim ngạch đạt 3,07 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Hà Lan tăng trưởng chậm lại so với mức tăng 26,9% của năm 2024 do xuất khẩu nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng và phương tiện vận tải giảm mạnh lần lượt 10,3% và 27,9% so với cùng kỳ năm trước; kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện cũng giảm 4,4%. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại, cà phê, hạt điều... tăng trưởng khả quan. Xuất khẩu hàng hóa sang Hà Lan tăng trưởng chậm lại trước bối cảnh kinh tế của quốc gia này tăng trưởng chậm trong bốn quý vừa qua. Theo ước tính đầu tiên từ Cục Thống kê Hà Lan (CBS), tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này tăng 0,1% trong quý đầu tiên của năm 2025 so với quý trước, mức tăng trưởng thấp nhất kể từ quý I năm 2024.. Trong đó, mức tiêu dùng hộ gia đình đã giảm 0,2% trong quý đầu tiên của năm 2025. Các hộ gia đình đã chi tiêu ít hơn cho thực phẩm, đồ uống và giao thông.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới các thị trường trong khối EU quý I/2025

Thị trường	Quý I/2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Tổng	13.710.541	12,2	100,0	100,0
Hà Lan	3.071.755	4,4	22,4	24,1
Đức	2.445.166	28,5	17,8	15,6
Italia	1.303.604	-2,1	9,5	10,9
Tây Ban Nha	1.082.680	2,8	7,9	8,6
Bỉ	804.119	-6,0	5,9	7,0
Ba Lan	838.102	20,4	6,1	5,7
Pháp	954.124	18,8	7,0	6,6
Áo	798.948	25,4	5,8	5,2
Séc	495.228	62,3	3,6	2,5
Slovakia	395.373	16,8	2,9	2,8
Thụy Điển	310.272	11,3	2,3	2,3
Ireland	179.673	74,0	1,3	0,8
Hungary	144.008	7,2	1,1	1,1
Romania	117.592	42,5	0,9	0,7
Bồ Đào Nha	142.921	6,4	1,0	1,1
Hy Lạp	117.480	25,6	0,9	0,8
Đan Mạch	105.185	2,5	0,8	0,8
Slovenia	90.889	-4,1	0,7	0,8
Lithuania	89.568	114,1	0,7	0,3
Latvia	76.207	-3,0	0,6	0,6
Bulgaria	36.835	-18,6	0,3	0,4
Luxembourg	26.572	-59,6	0,2	0,5
Phần Lan	35.585	-25,5	0,3	0,4
Croatia	18.922	-31,5	0,1	0,2
Síp	12.777	-6,5	0,1	0,1
Estonia	12.454	55,9	0,1	0,1
Malta	4.502	51,0	0,0	0,0

Nguồn: Cục Hải quan

Về mặt hàng: Quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU tăng so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng công nghệ

tăng trưởng khả quan, xuất khẩu các mặt hàng nông sản tiếp tục được hưởng lợi về giá, trong khi xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng như dệt may, giày dép cũng tăng trưởng tích cực.

Trong quý I/2025, điện thoại các loại và linh kiện là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang EU cao nhất, đạt 2,18 tỷ USD, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2024; Xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 2,16 tỷ USD, tăng 32,7%; Xuất khẩu máy ảnh, máy quay phim và linh kiện đạt 93,4 triệu USD, tăng 103,9%...

Với nhóm hàng nông, thủy sản, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU trong quý I/2025 đạt 226 nghìn tấn, trị giá 1,27 tỷ USD, giảm 6,5% về lượng, nhưng tăng 63,6% về kim ngạch nhờ giá xuất khẩu tăng cao; xuất khẩu hạt điều đạt 26,3 nghìn tấn, trị giá 183,2 triệu USD, tăng 6,2% về lượng và tăng 37,6% về trị giá; xuất khẩu hạt tiêu đạt 8,89 nghìn tấn, trị giá 62,24 triệu USD, giảm 10,2% về lượng, nhưng tăng 37,7% về trị giá. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản và rau quả cũng tăng trưởng khả quan, với xuất khẩu thủy sản đạt 233,2 triệu USD, tăng 22,1%; hàng rau quả đạt 62,38 triệu USD, tăng 14,2%.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép và dệt may tăng trưởng chậm hơn, tăng lần lượt 12,9% và 13,3% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu 2 mặt hàng này tiếp tục có tín hiệu tốt khi kim ngạch xuất khẩu tháng 3 tăng tốc. Theo đó, tháng 3/2025, kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam sang EU tăng 25,6% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 536,7 triệu USD; xuất khẩu hàng dệt may tăng 25,9%, đạt 326,7 triệu USD.

Ngược lại, xuất khẩu sắt thép các loại của Việt Nam sang EU quý I/2025 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2024, đạt 504,3 nghìn tấn, trị giá 334,26 triệu USD, giảm 44% về lượng và giảm 44,3% về trị giá. Xuất khẩu sắt thép các loại của Việt Nam sang EU giảm trong bối cảnh xuất khẩu của các thị trường cung cấp lớn cho EU cũng giảm. Theo thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu sắt thép các loại của Trung Quốc sang EU quý I/2025 cũng giảm 23,1% so với cùng kỳ năm 2024, xuống còn 776,8 triệu USD. Số liệu thống kê của ITC cho thấy

kim ngạch xuất sắt thép các loại của Hàn Quốc trong 02 tháng đầu năm 2025 sang EU giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 564,8 triệu USD. Hàn Quốc và Trung Quốc là 2 thị trường cung cấp sắt thép các loại lớn nhất cho EU. Theo thống kê của Eurostat, trong 02 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu sắt thép các loại của EU từ Hàn Quốc chiếm 11,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng của thị trường này; thị phần thép của Trung Quốc chiếm 9,9%; Thổ Nhĩ Kỳ chiếm tỷ trọng 8,9%. Trong 02 tháng đầu năm 2025, Việt Nam là thị trường cung cấp sắt thép các loại lớn thứ 7 cho EU với kim ngạch đạt 455,48 triệu USD, chiếm 6,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng của thị trường, tăng so với mức 5,3% của cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường EU quý I/2025 đạt 147,45 triệu USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu do nhu cầu thị trường chưa phục hồi. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của các nhà cung cấp lớn cho EU các tháng đầu năm 2025 cũng tăng chậm lại. Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của nước này sang EU chỉ tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 771 triệu USD. Số liệu thống kê của ITC cho thấy kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Thổ Nhĩ Kỳ cho EU cũng tăng nhẹ 3,1% so với cùng kỳ năm 2024 trong 02 tháng đầu năm 2025.

Theo số liệu thống kê của Eurostat, Trung Quốc, Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ là 3 thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho EU trong 02 tháng đầu năm 2025. Trong đó, Trung Quốc là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho EU với tỷ trọng chiếm 51,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường; Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 2 với tỷ trọng chiếm 10,4% và Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 8%. Các thị trường cung cấp đồ nội thất lớn tiếp theo cho EU trong 02 tháng đầu năm 2025 gồm Ukraina, Indonesia...

Mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU quý I/2025

Mặt hàng	Quý I/2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng		13.710.541		12,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		2.161.323		32,7
Điện thoại các loại và linh kiện		2.181.694		9,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		1.650.861		6,1
Giày dép các loại		1.340.450		12,9
Cà phê	226.050	1.273.662	-6,5	63,6
Hàng dệt, may		900.022		13,3
Phương tiện vận tải và phụ tùng		388.064		18,4
Sắt thép các loại	504.327	344.257	-44,0	-44,3
Hàng thủy sản		233.242		22,1
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		225.764		10,1
Sản phẩm từ sắt thép		226.173		50,9
Hạt điều	26.293	183.192	6,2	37,6
Sản phẩm từ chất dẻo		162.610		4,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		147.450		-2,5
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận		101.343		37,1
Chất dẻo nguyên liệu	86.997	84.319	162,9	133,7
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện		93.414		103,9
Hàng rau quả		62.376		14,2
Hạt tiêu	8.895	62.239	-10,2	37,7
Kim loại thường khác và sản phẩm		55.701		26,9
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		50.912		16,0
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		47.443		-9,0
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		42.575		-6,4
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		25.754		17,6
Cao su	11.782	22.855	-35,7	-21,3
Sản phẩm từ cao su		22.497		-24,8
Xơ, sợi dệt các loại	6.121	18.028	-13,7	-15,1
Sản phẩm gốm, sứ		15.712		-11,9
Vải màn, vải kỹ thuật khác		11.095		58,8
Dây điện và dây cáp điện		10.148		-7,6
Hóa chất		7.793		-54,1
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ		8.852		-19,2

Mặt hàng	Quý I/2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Gạo	6.422	5.135	-22,8	-23,3
Sản phẩm hóa chất		5.494		22,1
Giấy và các sản phẩm từ giấy		958		107,9
Chè	149	331	-32,0	-32,3
Hàng hóa khác		1.536.803		-11,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Quý I/2025, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với thị trường EU có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, nhưng vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng 2 con số. Xu hướng này có khả năng sẽ tiếp tục duy trì trong thời gian tới do mức nền cao của năm 2024 và kinh tế EU vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước chính sách thuế quan của Mỹ.

Tuy nhiên, tiêu dùng của EU nhiều khả năng sẽ tiếp tục phục hồi khi lạm phát và lãi suất tại khu vực giảm sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này. Ngành bán lẻ tại châu Âu cũng được dự báo sẽ phát triển hơn với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 3,4% từ năm 2025 đến năm 2028, theo Tạp chí Bán lẻ Châu Âu. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi lạm phát giảm và sự

phát triển của thương mại điện tử. Trong đó, thị trường thực phẩm sẽ là ngành tăng trưởng nhanh nhất, với thị phần là 51,2%. Trong khi ngành may mặc và giày dép tiếp tục tăng trưởng chậm do sự bất ổn kinh tế khiến người tiêu dùng cắt giảm mua sắm những mặt hàng không thiết yếu.

Với xu hướng này, xuất khẩu nhóm hàng nông sản của Việt Nam sang EU trong thời gian tới sẽ còn nhiều tiềm năng nếu các doanh nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu khắt khe của thị trường. Trong khi xuất khẩu nhóm hàng tiêu dùng như dệt may, da giày sẽ tăng trưởng chậm lại do nhu cầu thị trường thấp và sự cạnh tranh gay gắt khi các nhà cung ứng lựa chọn EU là thị trường thay thế trước áp lực thuế quan của Hoa Kỳ.

Về nhập khẩu

Quý I/2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường EU đạt 3,79 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Việt Nam tăng nhập khẩu hàng hóa từ hầu hết các thị trường lớn trong EU, trừ Ailen, Pháp... giảm.

Cơ cấu thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam từ các nước thành viên trong

3 tháng đầu năm 2025 có biến động khi tỷ trọng nhập khẩu từ Đức tăng lên 23,1% từ mức 21,4% cùng kỳ năm 2024, tỷ trọng nhập khẩu từ Italia tăng từ 10,6% trong quý I/2024 lên 11,6% trong quý I/2025; trong khi tỷ trọng nhập khẩu từ Ailen giảm từ 27,3% trong quý I/2024 xuống còn 21,4% trong Quý I/2025...

Thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong EU quý I/2025

Thị trường	Quý I/2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Tổng	3.789.973	1,7	100,0	100,0
Đức	875.913	9,9	23,1	21,4
Ailen	811.141	-20,4	21,4	27,3

Thị trường	Quý I/2025 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Italia	440.123	11,1	11,6	10,6
Pháp	369.272	-12,5	9,7	11,3
Bỉ	189.997	29,0	5,0	3,9
Hà Lan	192.034	27,3	5,1	4,0
Tây Ban Nha	178.119	35,9	4,7	3,5
Thụy Điển	126.590	53,1	3,3	2,2
Ba Lan	95.727	-1,5	2,5	2,6
Áo	97.896	7,2	2,6	2,5
Séc	53.418	0,2	1,4	1,4
Đan Mạch	56.021	11,3	1,5	1,4
Hungary	50.850	19,5	1,3	1,1
Phần Lan	51.847	18,7	1,4	1,2
Hy Lạp	29.301	23,7	0,8	0,6
Romania	31.410	-11,4	0,8	1,0
Luxembourg	20.261	12,7	0,5	0,5
Bồ Đào Nha	28.487	-22,5	0,8	1,0
Slovenia	19.579	-19,2	0,5	0,6
Croatia	14.736	95,9	0,4	0,2
Slovakia	17.859	47,1	0,5	0,3
Latvia	5.660	-13,9	0,1	0,2
Bulgaria	8.793	-34,6	0,2	0,4
Malta	7.041	37,2	0,2	0,1
Lithuania	5.218	-24,7	0,1	0,2
Síp	6.796	-38,3	0,2	0,3
Estonia	5.887	108,1	0,2	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về mặt hàng, trong quý I/2025, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam từ EU tăng so với cùng kỳ năm 2024, trừ nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, hóa chất, phương tiện vận tải khác và phụ tùng, vải các loại... giảm.

Trong đó, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy móc thiết bị và nhiều mặt hàng nguyên liệu cho sản xuất trong quý I/2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024 như: nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng

9,8%; Nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 15,9%; Chất dẻo nguyên liệu tăng 12,3%... Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng cũng tăng mạnh như sữa và sản phẩm từ sữa 48,2%; Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh tăng 12,3%; Chế phẩm thực phẩm khác tăng 40,7%...

Ngược lại, kim ngạch nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 21,2%; nhập khẩu hóa chất giảm 25,3%; Phương tiện vận tải khác và phụ tùng giảm 34,7%...

Một số mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ thị trường EU trong quý I/2025

Mặt hàng	Quý I năm 2025		So với quý I năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng		3.789.973		1,7
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		722.538		9,8
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		812.188		-21,2
Dược phẩm		534.589		21,7
Sản phẩm hóa chất		141.314		10,5
Hóa chất		96.484		-25,3
Sữa và sản phẩm sữa		66.407		48,2
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		62.237		15,9
Chất dẻo nguyên liệu	15.519	52.125	28,1	12,3
Gỗ và sản phẩm gỗ		45.935		35,6
Sản phẩm từ sắt thép		47.750		19,0
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng		42.766		-37,4
Sản phẩm từ chất dẻo		42.329		11,5
Linh kiện, phụ tùng ô tô		29.378		13,9
Vải các loại		35.834		-9,5
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		25.838		28,8
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh		30.920		12,3
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		31.644		-3,9
Chế phẩm thực phẩm khác		28.689		40,7
Giấy các loại	18.566	22.931	18,9	30,5
Sắt thép các loại	5.745	15.904	21,1	-17,7
Kim loại thường khác	1.636	12.684	-25,7	-4,3
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		10.780		17,9
Phân bón các loại	28.133	11.590	26,6	36,9
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh		8.112		43,6
Sản phẩm từ cao su		11.676		25,1
Xơ, sợi dệt các loại	2.861	7.974	39,7	40,8
Hàng thủy sản		8.150		48,1
Cao su	1.786	4.721	10,4	0,0
Ô tô nguyên chiếc các loại	112	7.095	5,7	-2,4
Dây điện và dây cáp điện		5.262		-11,5
Sản phẩm khác từ dầu mỏ		5.118		13,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

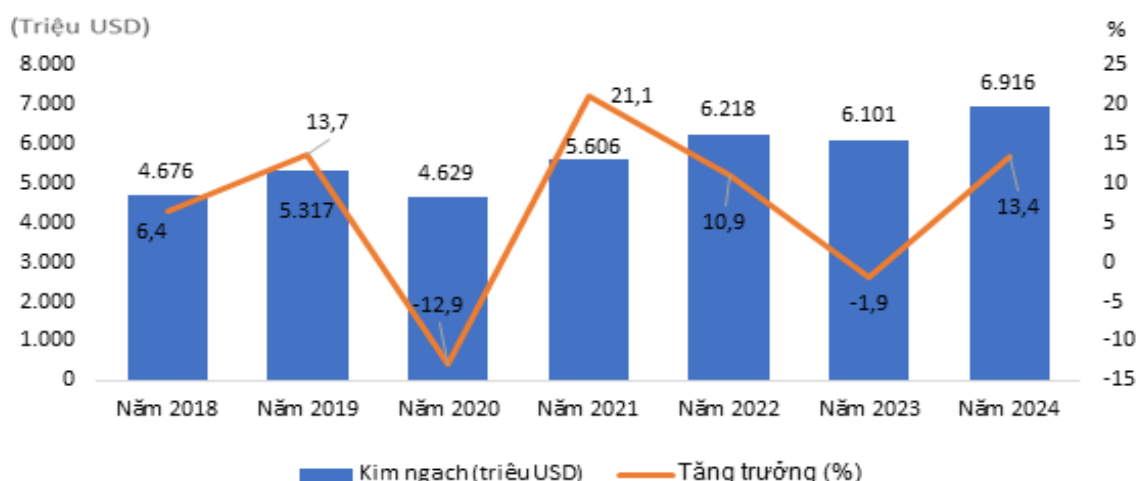
THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VÀ ITALIA

CHƯA THỂ KỲ VỌNG BỨT PHÁ

Italia hiện là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam trong khối EU và Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Italia trong khối ASEAN. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đi vào hiệu lực đã tạo ra xung lực thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam - EU

nói chung và Việt Nam - Italia nói riêng. Trong thời gian qua, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Italia có xu hướng tăng trưởng khả quan. Năm 2024, kim ngạch thương mại song phương đạt 6,9 tỷ USD, tăng 13,4% so với năm 2023 và tăng gần 50% so với năm 2018.

Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng thương mại 2 chiều Việt Nam – Italia giai đoạn 2018 - 2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Bước vào quý đầu tiên của năm 2025, hoạt động thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Italia tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước với kim ngạch xuất khẩu giảm nhẹ, trong khi nhập khẩu tăng. Theo số liệu thống kê

của Cục Hải quan Việt Nam, quý I/2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Italia đạt 1,74 tỷ USD, tăng 1,3% so với quý I/2024, nhưng giảm 3,9% so với quý trước đó.

Thương mại hàng hoá Việt Nam - Italia trong quý I/2025

	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	1.743.727	-3,9	1,3
Xuất khẩu	1.303.604	2,8	-1,8
Nhập khẩu	440.123	-19,5	11,5
Cán cân thương mại	863.480	19,8	-7,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Sau mức tăng 10,5% của năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Italia có xu hướng chậm lại do nhu cầu tiêu dùng tại Italia vẫn ở mức thấp. Theo Cơ quan thống kê Italia, doanh thu bán lẻ tại Italia tháng 02/2025 tăng 0,1% so với tháng trước, phục hồi sau mức giảm 0,4% trong tháng 01/2025, nhưng thấp hơn mức dự báo tăng 0,2%. So với cùng kỳ năm trước, hoạt động bán lẻ tại Italia giảm 1,5% trong tháng 2/2025, sau khi tăng 0,9% trong tháng trước.

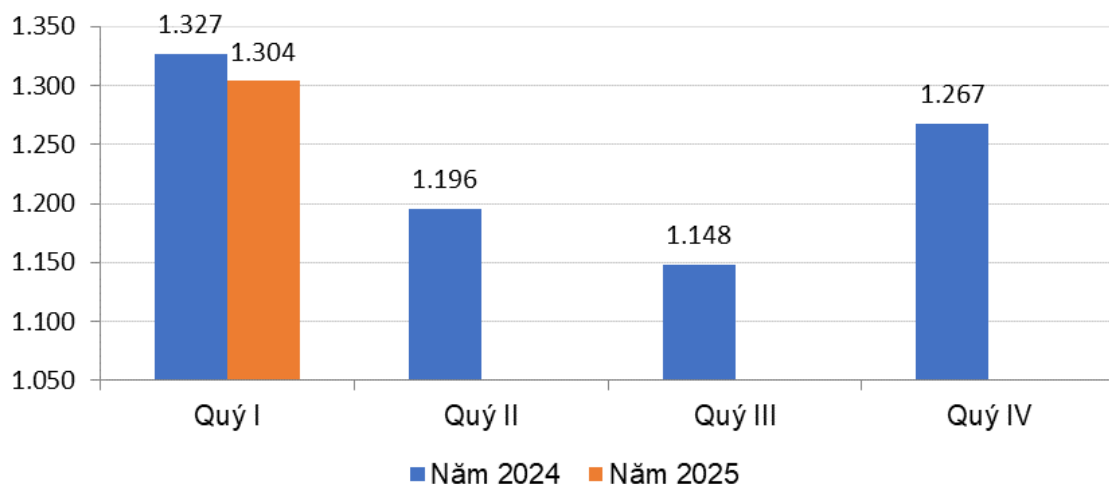
Mặc dù chi tiêu tiêu dùng của Italia chưa phục hồi khiến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của nước này giảm, nhưng theo ước tính nhanh, tổng sản phẩm quốc nội của nước này đã tăng 0,3% trong quý đầu tiên của năm, cao hơn mức tăng trưởng 0,1% của quý trước và vượt dự báo tăng 0,2%. Đây là tốc độ tăng trưởng theo quý mạnh nhất trong một năm, được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng tích cực của khu vực công nghiệp và nông nghiệp, bù đắp cho sự trì trệ của dịch vụ. Sự phục hồi nhanh hơn dự báo của nền kinh tế kỳ vọng sẽ là yếu tố thúc đẩy chi tiêu tại Italia, góp phần hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này trong thời gian tới.

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Italia đạt 1,3 tỷ USD, tăng 2,8% so với quý IV/2024, nhưng giảm 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái.



Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Italia qua các quý năm 2024 – 2025

(ĐVT: triệu USD)



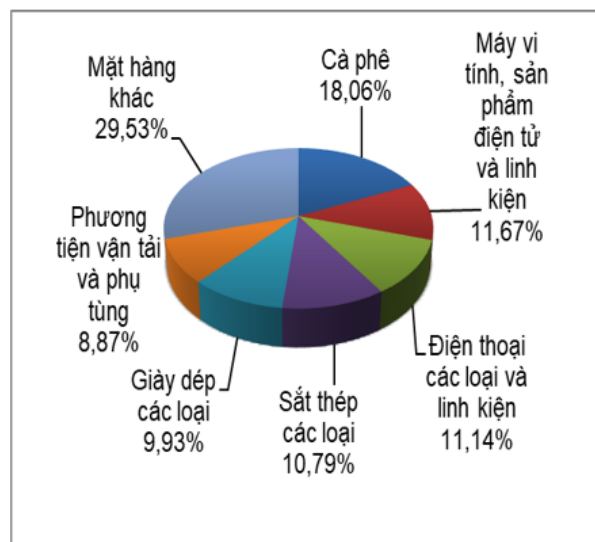
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Quý I/2025 có 15/26 mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Italia tăng so với cùng kỳ năm 2024 với nhiều mặt hàng đạt mức tăng trưởng hai con số như: cà phê tăng 20%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 45,2%; giày dép các loại tăng 92,4%; hàng dệt, may tăng 21,3%; chất dẻo nguyên liệu tăng 39,8%; sản phẩm từ sắt

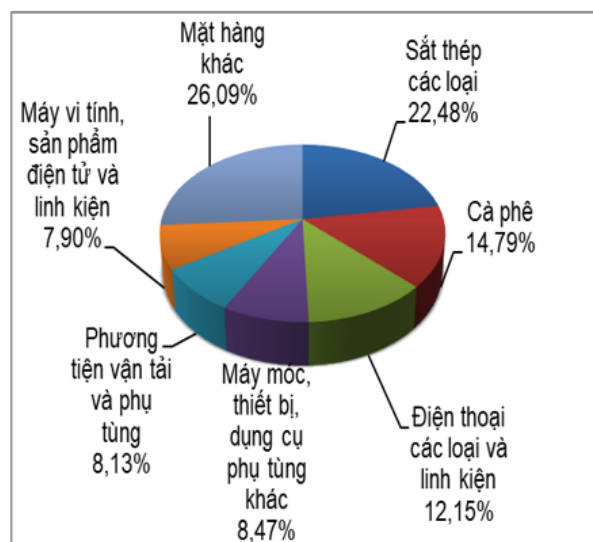
thép tăng 19%; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng 38,4%; sản phẩm từ chất dẻo tăng 16,5%; hàng rau quả tăng 284,6%. Tuy nhiên, mức tăng này không đủ bù đắp cho sự sụt giảm kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện; sắt thép các loại; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; cao su; gỗ và sản phẩm gỗ...

Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu sang Italia (Tỷ trọng % tính theo kim ngạch)

Quý I/2025



Quý I/2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Trong quý I/2025, cà phê là mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Italia ở mức cao, tăng 121,8% so với quý IV/2024 và tăng 20% so với quý I/2024. Số liệu thống kê cho thấy, Italia là thị trường tiềm năng đối với ngành cà phê của Việt Nam khi cà phê được xem là một phần không thể thiếu trong văn hóa Italia. Quốc gia này là nhà nhập khẩu cà phê nhân lớn thứ hai ở châu Âu, sau Đức. Ngoài nhập khẩu phục vụ thị trường nội địa, Italia còn là nhà cung cấp cà phê rang xay quan trọng cho các nước châu Âu khác. Theo thống kê của Hiệp hội người sử dụng dịch vụ trên toàn Italia (Aossoutenti), Italia tiêu thụ khoảng 6 tỷ cốc cà phê mỗi năm, thị trường này nhập khẩu một tỷ trọng tương đối lớn cà phê Robusta, thường được dùng làm nền cho các sản phẩm phối trộn với cà phê Arabica để điều chế Espresso. Theo số liệu của Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), nhập

khẩu cà phê (mã HS 0901) của Italia trong tháng 01/2025 từ thị trường ngoài khối đạt 235,6 triệu EUR (tương đương 268,68 triệu USD), tăng 43,1% so với cùng kỳ năm 2024. Đáng chú ý, với mức tăng 83,9% so với cùng kỳ năm 2024, Việt Nam trở thành thị trường ngoài khối cung cấp cà phê lớn nhất cho Italia. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối của Italia tháng 01/2025 tăng lên mức 12,98% so với 10,1% của tháng 01/2024.

Trong quý I/2025, giày dép cũng là mặt hàng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Italia tăng mạnh, tăng tới 92,4% so với quý I/2024. Theo số liệu của Eurostat, nhập khẩu giày dép (mã HS 64,) của Italia trong tháng 01/2025 từ ngoại khối EU đạt 359,87 triệu EUR (tương đương 410,4 triệu USD), tăng 57,1% so với cùng kỳ năm 2024. Việt Nam là thị trường cung cấp giày dép lớn thứ 2 cho Italia, với mức tăng ấn tượng 210,4% so với

cùng kỳ năm 2024, thị phần giày dép của Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ ngoại khối của Italia tháng 01/2025 tăng lên mức 20,13% so với 10,19% của tháng 01/2024. Đây là dấu hiệu cho thấy khả năng cạnh tranh của mặt hàng giày dép Việt Nam tại Italia đang ngày càng cải thiện. Trong khi đó, theo báo cáo nghiên cứu “Tổng quan

thị trường giày dép cao cấp của Italia đến năm 2029” do Bonafide Research công bố, thị trường giày dép cao cấp của Italia dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR hơn 6% từ năm 2024 đến năm 2029. Với quy mô thị trường giày dép của Italia tiếp tục mở rộng, ngành giày dép Việt Nam còn nhiều cơ hội để mở rộng thị phần trong thời gian tới.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Italia trong quý I/2025

Tên hàng	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Tổng	1.303.604	2,8	-1,8	100	100
Cà phê	235.460	121,8	20,0	18,06	14,79
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	152.140	-31,1	45,2	11,67	7,90
Điện thoại các loại và linh kiện	145.252	93,0	-9,9	11,14	12,15
Sắt thép các loại	140.676	-13,9	-52,9	10,79	22,48
Giày dép các loại	129.419	-20,5	92,4	9,93	5,07
Phương tiện vận tải và phụ tùng	115.657	35,8	7,2	8,87	8,13
Hàng dệt, may	74.593	-15,0	21,3	5,72	4,63
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	70.289	-49,2	-37,5	5,39	8,47
Chất dẻo nguyên liệu	36.796	64,4	39,8	2,82	1,98
Hàng thủy sản	23.463	20,6	6,2	1,80	1,67
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	20.764	-4,7	11,9	1,59	1,40
Sản phẩm từ sắt thép	13.720	7,2	19,0	1,05	0,87
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	9.115	-7,9	0,5	0,70	0,68
Hạt điều	8.134	-28,9	6,7	0,62	0,57
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	7.980	90,5	38,4	0,61	0,43
Sản phẩm từ chất dẻo	7.441	-12,0	16,5	0,57	0,48
Cao su	5.033	70,0	-10,7	0,39	0,42
Gỗ và sản phẩm gỗ	4.597	-34,1	-14,8	0,35	0,41
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	4.384	-31,2	-8,3	0,34	0,36
Xơ, sợi dệt các loại	3.761	-31,4	-28,1	0,29	0,39
Hàng rau quả	3.658	-40,0	284,6	0,28	0,07
Hóa chất	2.665	-54,5	-69,1	0,20	0,65
Sản phẩm gốm, sứ	2.456	-4,4	0,6	0,19	0,18
Sản phẩm từ cao su	2.126	-57,1	-57,0	0,16	0,37
Hạt tiêu	1.529	-29,6	-53,7	0,12	0,25
Hàng hóa khác	82.498	11,7	19,7	6,33	5,19

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về nhập khẩu:

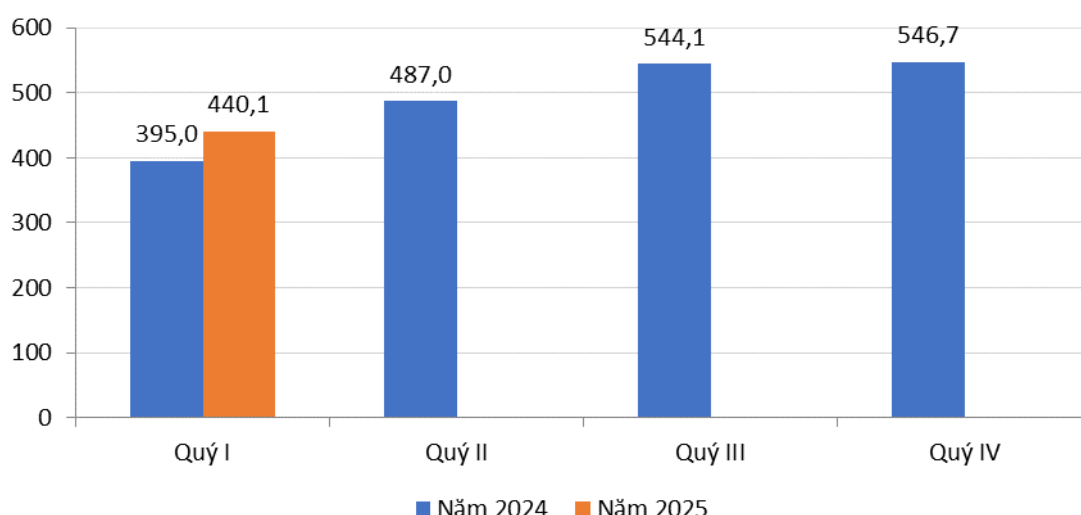
Quý I/2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Italia đạt 440,12 triệu USD, giảm 19,5% so với quý IV/2024, nhưng tăng 11,5% so với quý I/2024.

Trong đó, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác là hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất với kim ngạch 103,91 triệu USD, giảm 18,8% so với quý IV/2024, giảm 1,5% so với

quý I/2024 và chiếm tỷ trọng 23,6%; tiếp sau là dược phẩm với 68,85 triệu USD giảm 18,2% so với quý IV/2024, tăng 12,8% so với quý I/2024; tiếp đến nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày là mặt hàng nhập khẩu lớn thứ 3 từ Italia với kim ngạch 50,87 triệu USD, giảm 5,2% so với quý IV/2024, nhưng tăng 27% so với quý I/2024.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Italia theo các quý năm 2024 – 2025

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Đáng chú ý, nhập khẩu mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng mạnh so với quý IV/2024 và so với quý I/2024 lần lượt tăng 23,8%; 86,1%. Trong khi

đó, nhập khẩu mặt hàng linh kiện, phụ tùng ô tô và nguyên phụ liệu dược phẩm đều giảm mạnh so với quý IV/2024 và so với quý I/2024.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Italia trong quý I/2025

Tên hàng	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Tổng kim ngạch nhập khẩu	440.123	-19,5	11,5	100	100
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	103.912	-18,8	-1,5	23,6	26,7
Dược phẩm	68.859	-18,2	12,8	15,6	15,5
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	50.875	-5,2	27,0	11,6	10,1
Vải các loại	28.483	-33,2	-0,1	6,5	7,2

Tên hàng	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Sản phẩm hóa chất	21.926	-5,9	34,4	5,0	4,1
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	7.405	-10,1	6,1	1,7	1,8
Sản phẩm từ chất dẻo	6.819	-27,9	7,8	1,5	1,6
Gỗ và sản phẩm gỗ	5.920	-29,0	84,2	1,3	0,8
Sản phẩm từ sắt thép	5.890	-16,1	-34,0	1,3	2,3
Hóa chất	5.643	-10,8	21,1	1,3	1,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	4.764	23,8	86,1	1,1	0,6
Sản phẩm từ cao su	3.677	-15,0	25,2	0,8	0,7
Chất dẻo nguyên liệu	3.047	-24,8	5,1	0,7	0,7
Kim loại thường khác	1.997	88,2	0,2	0,5	0,5
Giấy các loại	1.672	-12,6	31,2	0,4	0,3
Hàng điện gia dụng và linh kiện	1.433	2,9	-2,1	0,3	0,4
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	1.355	83,1	-46,2	0,3	0,6
Linh kiện, phụ tùng ô tô	1.295	-38,1	-16,0	0,3	0,4
Nguyên phụ liệu dược phẩm	1.283	-24,1	-39,1	0,3	0,5
Sắt thép các loại	591	44,9	45,8	0,1	0,1
Nguyên phụ liệu thuốc lá	414	524,0	84,3	0,1	0,1
Hàng hóa khác	112.867	-26,7	20,9	25,6	23,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Kinh tế Italia quý I/2025 tăng vượt dự báo – kỳ vọng hoạt động thương mại giữa 2 nước phục hồi

Với vai trò hỗ trợ từ Hiệp định EVFTA, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam sang Italia những năm qua đã tăng trưởng khả quan. Tuy nhiên, thương mại song phương vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của hai nước. Italia là nền kinh tế lớn thứ ba trong Eurozone và là thành viên Nhóm các nền công nghiệp phát triển nhất thế giới (G7) với nhiều thế mạnh về công nghệ, máy móc, nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm. Đồng thời cũng là một thị trường lớn với quy mô dân số gần 59 triệu người và là cửa ngõ đường biển quan trọng đưa hàng hóa vào châu Âu.

Nền kinh tế hai nước lại vừa có tính tương đồng, vừa có tính bổ trợ lẫn nhau.

Dự báo trong ngắn hạn, thương mại giữa 2 nước sẽ chưa thực sự bứt phá do bị tác động từ bất ổn kinh tế thế giới và khu vực. Mới đây, chính phủ Italia đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế 2025 xuống 0,6%, giảm mạnh so với dự báo 1,2% đưa ra trước đó. Tốc độ tăng trưởng trong hai năm tiếp theo 2026 và 2027 cũng được điều chỉnh giảm xuống còn 0,9% và 0,7%, thấp hơn các mức dự báo trước là 1,2% và 0,9%. Italia là nền kinh tế lớn thứ ba trong Eurozone và là nhà xuất khẩu lớn thứ tư thế giới. Do đó, xung đột thương mại với Hoa Kỳ sẽ có những tác động đáng kể đến nền kinh tế Italia

Quý I/2025:

XUẤT KHẨU SANG CỘNG HÒA SÉC

tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao

Trong những năm qua, quan hệ giữa Việt Nam và Cộng hòa Séc không ngừng phát triển, đặc biệt việc hai bên chính thức nâng cấp lên “Đối tác chiến lược” vào đầu năm 2025 đã mở ra chương mới cho hợp tác sâu rộng hơn trên nhiều lĩnh vực. Trong đó hợp tác thương mại giữa hai nước đã liên tục tăng trưởng ấn tượng kể từ sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực vào năm 2020. Trong bối cảnh thị trường toàn cầu biến động phức tạp, khó lường, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng ở một số quốc gia, nguy cơ xung đột thương mại lan rộng, cùng với xu hướng phát triển bền vững và kinh tế xanh ngày càng được đẩy mạnh...

việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ngày càng trở nên cấp thiết và CH Séc nổi lên như một thị trường còn nhiều dư địa để khai thác.

Việt Nam hiện là đối tác thương mại quan trọng nhất của CH Séc tại khu vực Đông Nam Á và đang tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng khả quan. Trong quý I/2025, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và CH Séc vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số, tăng 52,8% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 548,6 triệu USD. Trong đó, Việt Nam xuất siêu với thị trường Séc 441,8 triệu USD trong quý I/2025, tăng 75,8% so với quý I/2024.

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và CH Séc quý I/2025

	Quý I/2025 (triệu USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	548,6	-26,7	52,8
Xuất khẩu	495,2	-27,5	62,3
Nhập khẩu	53,4	-18,1	-0,8
Cán cân thương mại	441,8	-28,5	75,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường CH Séc đạt 495,2 triệu USD, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Đáng chú ý, trong quý I/2025, một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang CH Séc tăng trưởng mạnh như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng; Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 40,1%; Điện thoại các loại và linh kiện; Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù tăng... Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2024

như: Dệt may; Giày dép các loại; Phương tiện vận tải và phụ tùng; Sản phẩm từ sắt thép...

Trong đó, với tốc độ tăng trưởng 162,6% so với cùng kỳ năm 2024, trong quý I/2025, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang CH Séc, chiếm 49,4%, tăng so với mức 30,5% của cùng kỳ năm 2024. Ngược lại, tỷ trọng mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác giảm xuống 39,1% so với mức 50,1% của cùng kỳ năm 2024.

Mặt hàng xuất khẩu từ thị trường CH Séc quý I/2025

(ĐVT: nghìn USD)

Tên hàng	Quý I/2025	So với quý I/2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Tổng	495.228	62,3	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	244.569	162,6	49,4	30,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	193.756	26,8	39,1	50,1
Giày dép các loại	13.666	-25,9	2,8	6,0
Phương tiện vận tải và phụ tùng	8.157	-20,1	1,6	3,3
Hàng dệt, may	3.091	-26,1	0,6	1,4
Sản phẩm từ chất dẻo	2.174	-8,3	0,4	0,8
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	1.257	51,7	0,3	0,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	632	40,1	0,1	0,1
Sản phẩm từ sắt thép	607	-51,0	0,1	0,4
Kim loại thường khác và sản phẩm	523	-50,6	0,1	0,3
Điện thoại các loại và linh kiện	435	93,8	0,1	0,1
Hàng thủy sản	267	-58,3	0,1	0,2
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	153	-24,2	0,0	0,1
Hóa chất	75		0,0	0,0
Hàng hóa khác	25.867	33,5	5,2	6,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Trong những năm qua, với những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA, tỷ trọng hàng hóa của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của CH Séc đã liên tục cải thiện. Theo tính toán từ số liệu thống kê của Eurostat, thị phần hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của CH Séc đã tăng từ mức 0,5% trong năm 2018 lên 4,4% trong năm 2024. Các tháng đầu năm 2025, thị phần hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của CH Séc tiếp tục tăng trưởng khả quan. Trong 02 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của CH Séc từ Việt Nam tăng 68,8% so với cùng kỳ năm 2024, đưa thị phần hàng hóa của Việt Nam trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối của CH Séc lên 6,8%. Mặc dù cải thiện rõ rệt, nhưng thị phần nhiều hàng xuất khẩu chủ lực Việt Nam trong tổng nhập khẩu của CH Séc 02 tháng đầu năm 2025 vẫn còn khiêm tốn như máy móc, thiết bị cơ khí, lò hơi và bộ phận (HS 84) chỉ chiếm 5,1%; giày dép các loại chiếm 5%; hàng may mặc chiếm 0,6%...



Thị phần các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu CH Séc
(ĐVT: nghìn EUR)

Mặt hàng	Nhập khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu từ thị trường ngoài khối	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam trên tổng nhập khẩu từ ngoài khối (%)		Nhập khẩu từ thế giới	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của CH Séc (%)	
			2 tháng năm 2025	2 tháng năm 2024		2 tháng năm 2025	2 tháng năm 2024
Máy và thiết bị cơ khí, lò hơi... các bộ phận của chúng (mã HS 84)	278.543	2.254.025	12,4	3,9	5.424.377	5,1	1,5
Máy điện, thiết bị điện; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi hình ảnh... và bộ phận (mã HS 85)	230.345	3.907.660	5,9	4,7	7.784.268	3,0	2,5
Giày dép (mã HS64)	14.528	55.865	26,0	35,8	288.256	5,0	6,7
Thiết bị vận tải và bộ phận (Mã HS 87)	8.591	700.791	1,2	1,1	3.536.537	0,2	0,2
Hàng may mặc (mã HS 61 và 62)	5.076	151.346	3,4	3,0	794.689	0,6	0,6
Nhựa và sản phẩm nhựa (mã HS 39)	4.713	230.240	2,0	2,6	1.652.440	0,3	0,3
Thủy sản (mã HS 03, 1604 và 1605)	3.431	16.075	21,3	23,0	85.300	4,0	2,8
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (mã HS 95)	2.104	57.993	3,6	2,4	276.341	0,8	0,4
Gạo (mã HS 1006)	2.006	10.672	18,8	17,0	20.359	9,9	8,1
Hạt điều	1.878	1.971	95,3	97,7	5.275	35,6	14,4
Cao su và sản phẩm từ sao cu (mã HS 40)	1.757	99.250	1,8	1,9	514.283	0,3	0,3
Sản phẩm từ sắt thép	1.616	158.739	1,0	0,8	787.758	0,2	0,1
Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	1.326	8.471	15,7	11,2	191.872	0,7	0,4
Các loại vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp	1.129	15.877	7,1	2,6	58.285	1,9	0,5
Đồ nội thất bằng gỗ	1.773	85.739	2,1	1,4	507.682	0,3	0,2
Rau quả	1.065	37.110	2,9	4,2	409.518	0,3	0,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Eurostat

Các số liệu thống kê cho thấy hàng hóa của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng khai thác tại thị trường CH Séc. Trong khi đó, nằm ở trung tâm Đông Âu, CH Séc không chỉ là thị trường tiềm năng mà còn là cửa ngõ để hàng Việt Nam tiếp cận các nước lân cận như Hungary, Bulgaria, Slovakia... Tuy nhiên, căng thẳng thương mại quốc tế và những tác động tiềm tàng của thuế quan Hoa Kỳ khiến kinh tế CH Séc tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều này sẽ phần nào có tác động đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt

Nam sang thị trường CH Séc. Mới đây, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của CH Séc từ mức 2,4% trước đó xuống 1,6% vào năm 2025. Bộ Tài chính Séc cũng đã giảm dự báo tăng trưởng xuống 2%, với lý do tác động của mức thuế quan của Hoa Kỳ đối với các mặt hàng xuất khẩu chính như ô tô, thép và nhôm. Theo Bộ Tài chính Séc, mức thuế quan 20% bổ sung nếu được áp dụng có thể đẩy mức tăng trưởng của Séc xuống 1,6%.

Về nhập khẩu:

Trong quý I/2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường CH Séc đạt 53,4 triệu USD, giảm nhẹ 0,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Trong quý I/2025, nhập khẩu hầu hết các mặt hàng từ thị trường CH Séc tăng mạnh so

với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 24,35 triệu USD, tăng 38,9%, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 9,6 triệu USD, tăng 27,2%, hóa chất đạt 1,2 triệu USD, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2024...

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường CH Séc quý I/2025

Tên hàng	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý I/2024 (%)	Tỷ trọng quý I/2025 (%)	Tỷ trọng quý I/2024 (%)
Tổng	53.418	-0,8	100,0	100,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	24.349	38,9	45,6	32,5
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	9.649	27,2	18,1	14,1
Hóa chất	1.188	42,5	2,2	1,5
Sản phẩm từ sắt thép	796	85,2	1,5	0,8
Hàng hóa khác	17.437	-36,5	32,6	51,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG EU TĂNG MẠNH DO ĐƯỢC GIÁ

Kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực vào tháng 8/2020, thương mại giữa Việt Nam và EU đã đạt nhiều kết quả tích cực, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp – ngành hưởng lợi lớn nhờ ưu đãi thuế quan. Theo thống kê của Cục Hải quan, quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU đạt 1,72 tỷ USD, tăng 70,2% so với quý IV/2024 và tăng 46,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hiện nông sản Việt đã có mặt tại 26/27 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu và phần lớn đều ghi nhận mức tăng trưởng khả

quan. Đức tiếp tục là thị trường lớn nhất với kim ngạch đạt 587,4 triệu USD trong quý I/2025, tăng 83,2% so với cùng kỳ, chiếm 34,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả khối. Các thị trường lớn tiếp theo gồm Hà Lan, Italia và Tây Ban Nha với mức tăng trưởng từ 15 - 18%.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản của Việt Nam sang một số quốc gia trong EU tăng đột biến như Síp (gấp 9 lần), Áo (3,8 lần), Latvia (3 lần), trong khi Đan Mạch, Estonia, Ba Lan và Ai Len tăng trên 100%.

Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các thị trường trong khối EU

Thị trường	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)	Thị phần quý I/2024 (%)	Thị phần quý I/2025 (%)
Đức	587.444	148,1	83,2	27,3	34,1
Hà Lan	263.809	-5,7	28,6	17,4	15,3
Italia	257.744	90,6	19,6	18,3	15,0
Tây Ban Nha	238.336	70,6	35,4	15,0	13,9
Bỉ	113.567	144,5	61,8	6,0	6,6
Pháp	97.466	31,7	17,8	7,0	5,7
Ba Lan	71.330	69,2	127,7	2,7	4,1
Lítva	23.363	35,9	-3,2	2,1	1,4
Bồ Đào Nha	22.255	121,0	20,8	1,6	1,3
Hy Lạp	21.714	43,0	30,6	1,4	1,3
Rumani	9.415	192,1	38,5	0,6	0,5
Đan Mạch	4.032	244,1	177,5	0,1	0,2
Thụy Điển	2.903	35,7	75,3	0,1	0,2
CH Séc	2.406	-22,3	20,5	0,2	0,1
Látvia	1.439	80,4	204,6	0,0	0,1
Phần Lan	818	58,6	-13,3	0,1	0,0
Slovenia	665	23,7	71,8	0,0	0,0
Estonia	358	37,8	132,7	0,0	0,0
Croatia	292	-11,6	-21,4	0,0	0,0

Thị trường	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)	Thị phần quý I/2024 (%)	Thị phần quý I/2025 (%)
Âi Len	272	32,1	104,6	0,0	0,0
Bungari	238	-48,4	17,9	0,0	0,0
Síp	208	17,6	803,3	0,0	0,0
Hungary	189	-85,9	-85,5	0,1	0,0
Manta	141	493,3		0,0	0,0
Áo	54	5,1	279,0	0,0	0,0
Slovakia	32	-40,9		0,0	0,0
Tổng	1.720.489	70,2	46,2	100,0	100,0

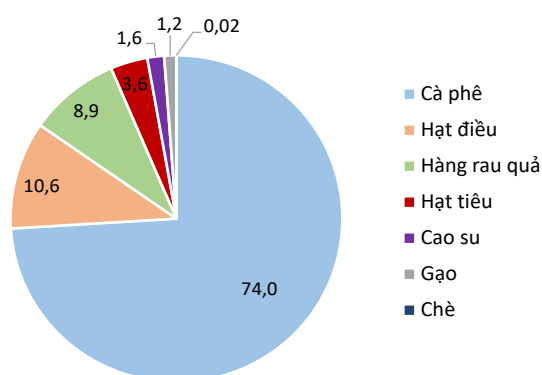
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong quý I/2025, nhờ giá bán duy trì ở mức cao, trị giá xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam sang EU như cà phê, hạt điều, rau quả và hạt tiêu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, xuất khẩu cao su, gạo và chè lại ghi nhận xu hướng giảm.

Cà phê tiếp tục giữ vai trò là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU trong quý I/2025, đạt 226.050 tấn với kim ngạch 1,27 tỷ USD. Dù sản lượng xuất khẩu giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước, nhưng giá trị xuất khẩu lại tăng tới 63,4% nhờ giá cà phê cao kỷ lục, trung bình 5.634 USD/tấn (tăng 74,8%). Tỷ trọng cà phê trong tổng xuất khẩu nông sản sang EU tăng lên 74%, so với 66,2% của quý I/2024.

Cơ cấu các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường EU trong quý I/2025

(% theo kim ngạch)



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của
Cục Hải quan*

EU hiện là thị trường quan trọng nhất của cà phê Việt Nam, chiếm 45,6% tổng khối lượng xuất khẩu. Riêng xuất khẩu cà phê chế biến của Việt Nam sang EU trong quý I/2025 đạt 104,53 triệu USD, tăng 66,7% so với cùng kỳ năm 2024, vượt tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành.

Sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, 93% dòng thuế đối với cà phê Việt Nam xuất khẩu sang EU được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tạo cơ hội lớn để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt là cà phê chế biến.

Tuy nhiên, nhập khẩu cà phê của EU đang có xu hướng giảm. Số liệu của Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat) cho thấy, trong 02 tháng đầu năm 2025, EU đã nhập khẩu 427.370 tấn cà phê các loại từ thị trường ngoại khối, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ hai vào EU với khối lượng đạt 65.475 tấn, giảm 45,2% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần của Việt Nam trong tổng khối lượng cà phê nhập khẩu ngoại khối của EU theo đó giảm từ 23,7% xuống còn 15,3%.

Nhập khẩu cà phê của EU từ thị trường lớn nhất là Brazil cũng giảm 11,3%, đạt 179.962 tấn. Mặc dù vậy, thị phần của Brazil lại tăng từ 40,3% lên 42,1%. Trong khi đó, nhập khẩu cà phê của EU từ Uganda, Colombia, Ethiopia tăng mạnh 45,1%, 19,3% và 161,8%.

Nhập khẩu cà phê của EU giảm được nhận định do một số nguyên nhân sau:

+ Việc EU tạm hoãn triển khai Luật chống phá rừng (EUDR) vào cuối năm 2024 đã khiến nhập khẩu chững lại.

+ Nguồn cung cà phê của Việt Nam giảm và vụ thu hoạch năm nay diễn ra muộn hơn các năm trước. Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam (Vicofa) cho biết, sản lượng cà phê niên vụ 2024 - 2025 dự kiến giảm 5%, xuống còn khoảng 27 triệu bao do ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, diện tích trồng bị thu hẹp do ảnh hưởng bởi các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Năm nay giá cà phê vẫn duy trì ở mức cao nên người dân không bán ồ ạt.

+ Giá cà phê tăng cao do biến động khí hậu ở các nước sản xuất chính như Brazil và Việt Nam, cũng ảnh hưởng phần nào đến nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu.

Theo nghiên cứu của Tradingpedia, tính từ tháng 01 đến tháng 3/2025, giá cà phê, trà và ca cao trung bình tại EU đã tăng 5,26%. Phân tích theo từng quốc gia cho thấy mức tăng không đồng đều, với Phần Lan ghi nhận mức tăng 25,5% và Thụy Điển 13,2% chỉ trong 3 tháng đầu năm.

Riêng trong tháng 3, giá cà phê tại khu vực đã tăng thêm 1,81% và cao hơn 11,46% so với tháng 3/2024, cho thấy xu hướng tăng kéo dài.

Tại Thụy Điển, giá cà phê tăng khoảng 1,35–1,80 Euro/cốc, khiến người tiêu dùng hàng ngày phải cắt giảm lượng cà phê tiêu thụ. Trong khi đó, dù phải trả mức giá cà phê cao nhất châu Âu, Đan Mạch vẫn tiêu thụ trung bình 8,7 kg cà phê/người/năm. Bulgaria, dù giá tăng 19,6% trong năm 2025, vẫn là nước có giá cà phê rẻ nhất EU (khoảng 1,13 euro/cốc) và thói quen tiêu dùng không thay đổi.

Hạt điều: Trong quý I/2025, Việt Nam xuất khẩu 26.293 tấn hạt điều sang EU, đạt trị giá 183,2 triệu USD, giảm 5,6% về lượng nhưng tăng 22,1% về trị giá so với cùng kỳ 2024. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm này được cho là do thị trường đang trầm lắng, người mua chờ đợi mùa vụ mới và lượng hàng tồn kho từ trước đó còn nhiều. Trong thời gian tới, khi nguồn cung mùa vụ mới bắt đầu, thị trường sẽ trở nên sôi động hơn.

Những năm gần đây, nhu cầu tiêu thụ hạt điều tại những quốc gia EU như Hà Lan và Đức không ngừng tăng cao bởi nhu cầu lớn từ những ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Ngành điều Việt Nam đã khai thác tốt các thị trường cửa ngõ như Hà Lan, Đức, cũng như các thị trường tiềm năng như Phần Lan, Ba Lan, Bỉ, Tây Ban Nha, Rumania, Bồ Đào Nha. Hiệp định EVFTA với thuế nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam về 0% đang là lợi thế lớn để mở rộng thị phần, kể cả ở các thị trường ngách.

Theo Eurostat, trong hai tháng đầu năm 2025, Việt Nam là nhà cung cấp hạt điều lớn nhất cho EU, với sản lượng đạt 21.751 tấn, chiếm tới 70,6% tổng lượng nhập khẩu ngoại khối của EU. Con số này cao gấp 4 lần so với thị trường cung cấp lớn thứ hai là Bồ Đào Nha, với 5.550 tấn.

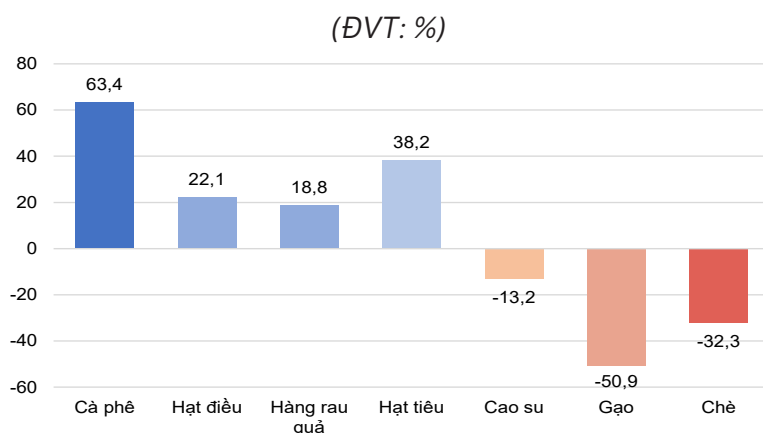
Rau quả: EU là thị trường xuất khẩu rau quả nhiều tiềm năng của Việt Nam trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng luôn duy trì ở mức hai con số. Quý I/2025, xuất khẩu rau quả sang EU đạt 152,93 triệu USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước.

So với các nguồn cung ứng khác, rau quả Việt Nam có một số ưu thế như giá cả cạnh tranh nhờ ưu đãi thuế quan từ EVFTA. Ngoài ra, sản phẩm rau quả của Việt Nam và EU phần lớn bổ trợ, không cạnh tranh trực tiếp. Với lợi thế khí hậu nhiệt đới, Việt Nam có tiềm năng trở thành nguồn cung ổn định các loại trái cây như chuối, xoài, thanh long, vải, sầu riêng, nhãn, chanh leo... vào EU, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu ngày càng cao của thị trường này.

Hạt tiêu: Trong quý I/2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang EU đạt 8.895 tấn, trị giá 62,23 triệu USD, giảm 10% về lượng nhưng tăng 38,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Việc nhập khẩu chững lại do lượng tồn kho cao từ năm trước, trong khi vụ thu hoạch chậm một tháng khiến nguồn cung hạn chế. Bên cạnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam vẫn đối mặt với yêu cầu khắt khe về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc biệt với các sản phẩm cao cấp như tiêu trắng và tiêu hữu cơ.

Trong khi đó, xuất khẩu cao su, gạo và chè của Việt Nam sang EU đều sụt giảm mạnh cả về lượng lẫn trị giá so với cùng kỳ năm trước. Đối với cao su, nhập khẩu từ khu vực này cũng lại đáng kể sau khi EU tạm hoãn triển khai EUDR thêm một năm. Riêng mặt hàng gạo, nhu cầu từ các nhà nhập khẩu giảm từ năm ngoái do giá cao, và dù giá đã giảm 10,2% trong những tháng đầu năm nay, lực mua vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi.

Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sang EU trong quý I/2025 so với cùng kỳ năm 2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU trong quý I/2025

Mặt hàng	Quý I/2025		So với quý IV/2024 (%)		So với quý I/2024 (%)		Tỷ trọng theo trị giá (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Quý I/2024	Quý I/2025
Cà phê	226.050	1.273.662	132,2	144,3	-6,5	63,4	66,2	74,0
Hạt điều	26.293	183.192	-26,6	-18,8	-5,6	22,1	12,8	10,6
Hàng rau quả		152.926		2,5		18,8	10,9	8,9
Hạt tiêu	8.895	62.239	-5,6	-4,1	-10,0	38,2	3,8	3,6
Cao su	14.298	28.022	5,5	4,7	-30,0	-13,2	2,7	1,6
Gạo	24.477	20.117	-15,8	-10,9	-45,3	-50,9	3,5	1,2
Chè	149	331	-39,4	-49,1	-32,0	-32,3	0,0	0,0
Tổng		1.720.489		70,2		46,2	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Dự báo: Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU được dự báo sẽ khởi sắc trong thời gian tới, nhờ nguồn cung được bổ sung từ vụ thu hoạch mới và giá bán tiếp tục duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới về hạt tiêu và hạt điều, đứng thứ hai về cà phê và thứ ba về cao su. Trong khi đó, EU không tự sản xuất được các mặt hàng này và hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

Giá một số nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong quý I/2025

Chủng loại	Quý I/2025 (USD/tấn)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)
Cà phê	5.634	5,2	74,8
Hạt điều	6.967	10,7	29,4
Hạt tiêu	6.997	1,5	53,5
Cao su	1.960	-0,7	24,1
Gạo	822	5,9	-10,2
Chè	2.221	-16,0	-0,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Trước bối cảnh căng thẳng thuế quan với Hoa Kỳ, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động thích ứng bằng cách đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường, tận dụng các hiệp định thương mại tự do để mở rộng xuất khẩu sang EU, Nhật Bản và ASEAN.

Theo số liệu của Eurostat, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông sản của EU trong 02 tháng đầu năm 2025 tăng 19,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Việt Nam hiện chiếm thị phần đáng kể trong tổng kim ngạch nhập khẩu ngoại khối của EU đối với một số mặt hàng như hạt điều (70,1%), hạt tiêu (66,7%) và cà phê (13,4%).

Tuy nhiên, nhiều mặt hàng khác của Việt Nam tại EU vẫn còn dư địa lớn để tăng trưởng như rau quả mới chiếm 0,7% thị phần, chè chiếm 0,35%, cao su chiếm 1,5% và gạo chiếm 3,81%. So với cùng kỳ năm ngoái, thị phần hạt tiêu, rau quả và chè đều ghi nhận xu hướng tăng, trong khi các mặt hàng còn lại giảm nhẹ.

Dù ghi nhận những kết quả tích cực trong xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU, đây

vẫn là thị trường khó tính với những quy định thay đổi liên tục. Để đẩy mạnh xuất khẩu, Việt Nam cần khắc phục các vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm, đảm bảo xuất xứ, đồng thời đầu tư vào mô hình nông nghiệp bền vững, sản xuất quy mô lớn, chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

Năm 2024, Việt Nam nhận 114 cảnh báo từ EU – tăng gấp đôi so với năm trước. Đáng chú ý, cảnh báo về thực phẩm mới cũng gia tăng, khi chỉ trong 02 tháng đầu năm 2025, Việt Nam chiếm 50% trong tổng số 8 cảnh báo mà EU đưa ra trên toàn cầu. Trong khi đó, từ năm 2023 về trước, EU chưa đưa ra cảnh báo nào về thực phẩm mới với Việt Nam; trong năm 2024, số lượng cảnh báo là 1.

Tình trạng bị thu hồi và tiêu hủy hàng cũng tăng mạnh: năm 2024 có 25 lô hàng bị hủy (chiếm 21,9%), trong khi chỉ trong 02 tháng đầu năm 2025, tỷ lệ này đã tăng lên 56,3% (9/16 cảnh báo). Đây là dấu hiệu đáng lo ngại, đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu phải kiểm soát chất lượng chặt chẽ hơn.

Kim ngạch nhập khẩu nông sản của EU trong 2 tháng đầu năm 2025 và thị phần của Việt Nam

Mặt hàng	Ngoại khối EU		Ngoại khối so với cùng kỳ năm 2024 (%)		Từ Việt Nam		Việt Nam so với cùng kỳ năm 2024 (%)		Thị phần của Việt Nam theo trị giá (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn EUR)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn EUR)	Lượng	Trị giá	2 tháng đầu năm 2024	2 tháng đầu năm 2025
Hàng rau quả		6.933.878		14,1		51.316		51,7	0,56	0,74
Cà phê	427.370	2.672.763	-15,1	34,8	65.475	357.389	-45,2	5,5	17,09	13,37
Cao su	319.380	796.693	-12,9	6,2	5.619	11.846	-47,7	-20,6	1,99	1,49
Gạo	291.526	253.943	13,0	29,8	10.519	9.685	-23,4	-0,3	4,97	3,81
Hạt điều	30.800	195.418	23,4	50,9	21.751	137.015	21,2	48,2	71,37	70,11
Chè	22.032	108.019	22,0	31,6	253	944	88,5	145,0	0,47	0,87
Hạt tiêu	10.878	74.158	24,7	95,7	7.119	49.514	43,3	139,4	54,57	66,77
Tổng		11.034.870		19,2		617.709		20,9	5,52	5,60

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG EU

tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số trong quý I/2025

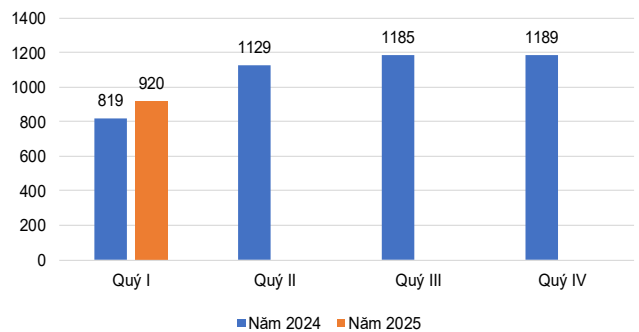
EU là thị trường xuất khẩu hàng dệt may thứ hai của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Năm 2024, sự phục hồi của nền kinh tế EU đã tác động đáng kể đến chi tiêu tiêu dùng hàng hóa nói chung, hàng dệt may nói riêng, đặc biệt là từ nửa cuối năm 2024 đến nay. Điều này đã tạo điều kiện cho xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU tăng trưởng khả quan. Theo thống kê từ Cục Hải quan, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU trong năm 2024 đạt 4,322 tỷ USD, tăng 12,2% so với năm 2023. Tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU chiếm khoảng 11,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng của cả nước trong năm 2024, tăng so với mức 11,6% của năm 2023.

Trong quý I/2025, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam tiếp tục tăng, đạt 920,1 triệu USD, tăng 12,3% so với quý I/2024. Tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

sang thị trường EU trong quý I/2025 chiếm 10,58% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam, tăng so với mức 10,47% trong quý I/2024.

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU qua các quý năm 2024-2025

(Đvt: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về thị trường:

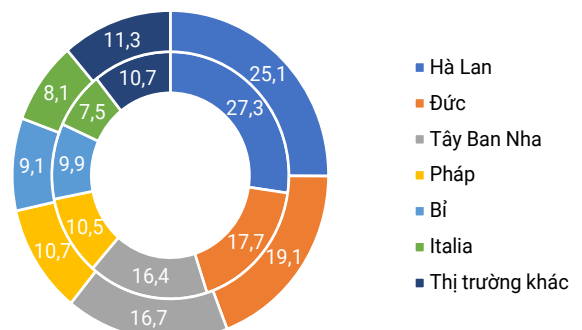
Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may sang tất cả các thị trường thành viên khu vực EU, trong đó, xuất khẩu sang các thị trường Hà Lan, Đức, Tây Ban Nha, Pháp và Bỉ chiếm 88,73% tổng kim ngạch xuất khẩu.

So với quý IV/2024, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường chính thuộc khu vực EU đều giảm trong quý I/2025, trừ xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha tăng nhẹ 0,4%, trong đó, xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm ở mức hai con số như Hà Lan giảm 32,8%, Đức giảm 24,5%, Pháp giảm 31,9%.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu sang một số thị trường khác vẫn tăng như Ai Len, Slovakia, đặc biệt là Bồ Đào Nha tăng 161,7%.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam tại EU quý I/2024 (vòng trong) và quý I/2025 (vòng ngoài)

(Đvt: % tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

So với quý I/2024, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang khu vực EU tăng ở hầu hết các thị trường (20/24 thị trường có kim ngạch xuất khẩu tăng). Trong đó, xuất khẩu sang nhiều thị trường tăng ở mức hai con

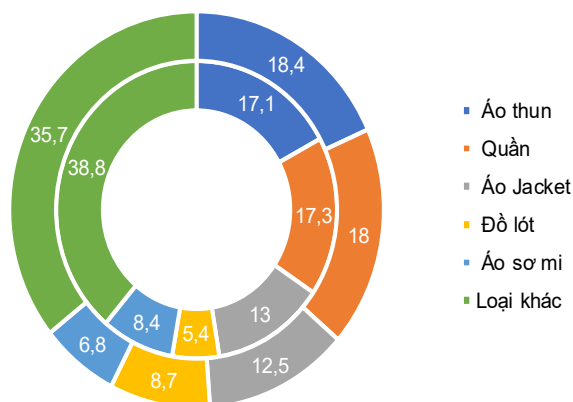
số, thậm chí 3 con số như Đức tăng 21,3%, Tây Ban Nha tăng 14,4%, Pháp tăng 13,8%, Italia tăng 21,3%, Ba Lan tăng 39,4%, Thụy Điển tăng 30,5%, Đan Mạch tăng 90,1%...

Về chủng loại xuất khẩu:

Việt Nam xuất khẩu chủ yếu quần áo thun, quần dài các loại, áo Jacket, đồ lót, áo sơ mi, quần Short, quần áo bảo hộ lao động (BHLĐ) sang thị trường EU trong quý I/2025, chiếm 76,16% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường này, tăng so với mức tỷ trọng 72,56% của quý I/2024. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu đồ lót tăng đáng kể, lên mức 8,7% trong quý I/2025, từ mức 5,4% của quý I/2024.

Cơ cấu chủng loại hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong quý I/2024 (vòng trong) và quý I/2025 (vòng ngoài)

(Đvt: % theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

So với quý I/2024, xuất khẩu các chủng loại hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU tăng ở tất cả các chủng loại chính, trừ xuất khẩu áo sơ mi giảm 9,1%, trong đó, xuất khẩu một số chủng loại tăng đáng kể như áo thun tăng 20,6%, quần dài các loại tăng 16,4%, đồ lót tăng 81,6%, quần áo BHLĐ tăng 33,4%. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu một số chủng loại giảm ở mức hai con số như quần áo bơi giảm 30,7%, áo len và bít tất cùng giảm 25,8%, bộ quần áo đồng bộ giảm 15,5%...

Xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường thành viên EU quý I/2025

Thị trường	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)
Tổng	920.058	-22,6	12,3
Hà Lan	231.193	-32,8	3,5
Đức	175.706	-24,5	21,3
Tây Ban Nha	153.352	0,4	14,4
Pháp	98.295	-31,9	13,8
Bỉ	83.223	-8,2	2,2
Italia	74.593	-15,0	21,3
Ba Lan	34.133	-3,2	39,4
Thụy Điển	20.935	-33,3	30,5
Đan Mạch	16.811	-23,3	90,1
Croatia	6.254	-27,8	-56,9
Ái Len	5.436	24,2	-19,6
Slovenia	5.113	-13,6	82,4
Cộng hoà Séc	3.091	-68,4	-26,1
Áo	2.835	-40,5	56,6
Luxembua	2.094	-42,8	258,2
Slovakia	1.446	24,4	51,8
Rumani	1.247	-37,1	1,5
Hy Lạp	1.028	-35,0	-56,2
Bồ Đào Nha	952	161,7	645,4
Phần Lan	913	-66,3	-45,6
Manta	556	-21,2	253,0
Latvia	523	-36,9	-18,1
Lithuania	127	-51,2	-64,0
Hungary	87	-94,4	-16,7
Bungari	62	-72,8	54,6
Estonia	45	-51,2	11,6
Síp	6,0		971,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Một số chủng loại hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường EU quý I/2025

Chủng loại	Quý I/2025 (nghìn USD)	So với quý IV/2024 (%)	So với quý I/2024 (%)
Tổng	920.058	-22,6	12,3
Áo thun	168.860	-14,4	20,6
Quần	165.432	-19,7	16,4
Áo Jacket	114.740	-50,9	7,6
Đồ lót	79.921	-5,8	81,6
Áo sơ mi	62.714	-13,5	-9,1
Quần Short	56.573	12,6	5,7
Quần áo BHLĐ	52.520	-34,1	33,4
Quần áo trẻ em	37.868	-33,2	6,5
Váy	36.989	41,1	12,1
Quần áo bơi	32.702	-12,8	-30,7
Áo vest	21.171	12,3	5,7
Găng tay	15.681	-26,1	-1,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Nhu cầu nhập khẩu hàng may mặc của EU, thị phần của Việt Nam

Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, nhập khẩu hàng may mặc (mã HS 61,62) của EU từ thị trường ngoại khối trong 02 tháng đầu năm 2025 đạt 15,5 tỷ EUR, tương đương với 17,61 tỷ USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Trung Quốc, Bangladesh và Thổ Nhĩ Kỳ là 3 thị trường ngoại khối cung cấp lớn nhất hàng may mặc vào EU, chiếm 61,22% tổng trị giá nhập khẩu.

Việt Nam là thị trường cung cấp ngoại khối hàng may mặc thứ 6 vào EU trong 02 tháng đầu năm 2025, giảm thứ hạng một bậc so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 4,71% tổng kim ngạch nhập khẩu của khối, giảm nhẹ

so với mức 4,76% của cùng kỳ năm 2024.

Nhu cầu hàng may mặc của EU gia tăng đã và đang tạo cơ hội cho các thị trường đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị phần tại thị trường này, trong đó, các thị trường như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan và Campuchia đều đang tận dụng tốt các cơ hội. Đối với Việt Nam, mặc dù nhập khẩu hàng may mặc của EU từ Việt Nam tăng đáng kể trong 02 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024, nhưng so với các thị trường cạnh tranh khác tại EU, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu của Việt Nam vẫn thấp hơn và thị phần hàng may mặc của Việt Nam tại EU giảm nhẹ.

Một số thị trường ngoại khối cung cấp hàng may mặc vào EU 2 tháng đầu năm 2025

Thị trường	2 tháng đầu năm 2025 (nghìn EUR)	2 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So với 2 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 2 tháng đầu năm 2025 (%)	Tỷ trọng 2 tháng đầu năm 2024 (%)
Tổng	15.513.647	17.614.195	23,2	100,00	100,00
Trung Quốc	4.381.756	4.975.045	30,8	28,24	26,59
Bangladesh	3.559.231	4.041.151	43,2	22,94	19,73
Thổ Nhĩ Kỳ	1.556.731	1.767.513	0,8	10,03	12,26

Thị trường	2 tháng đầu năm 2025 (nghìn EUR)	2 tháng đầu năm 2025 (nghìn USD)	So với 2 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 2 tháng đầu năm 2025 (%)	Tỷ trọng 2 tháng đầu năm 2024 (%)
Ấn Độ	833.453	946.303	31,2	5,37	5,04
Pakistan	684.724	777.436	35,6	4,41	4,01
Việt Nam	731.375	830.403	21,9	4,71	4,76
Campuchia	747.096	848.253	47,4	4,82	4,02
Ma rốc	426.134	483.832	7,6	2,75	3,15
Tunisia	399.955	454.109	-6,0	2,58	3,38
Myanma	339.562	385.539	7,6	2,19	2,50
Sri Lanka	242.658	275.514	30,0	1,56	1,48
Anh	217.394	246.829	-4,4	1,40	1,81
Indonesia	168.134	190.900	14,6	1,08	1,16
Ai Cập	122.457	139.038	27,6	0,79	0,76
Hoa Kỳ	102.305	116.157	-0,1	0,66	0,81

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu

Tỷ giá quy đổi: 1 EUR = 1,1354 USD

Triển vọng xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU thời gian tới

Kết quả trong xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU năm 2024 và quý đầu năm 2025 cho thấy triển vọng xuất khẩu sang thị trường này rất tích cực. Trong thời gian tới, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU vẫn còn nhiều cơ hội tăng trưởng khi nhu cầu thị trường này được dự báo sẽ tiếp tục tăng, trong khi đó, Việt Nam đang có lợi thế nhờ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA).

Về nhu cầu: theo thống kê từ nguồn Statista, thị trường bán lẻ hàng may mặc tại EU sẽ tạo ra doanh thu ấn tượng là 326,7 tỷ USD (297,60 tỷ euro) vào năm 2025. Trong đó, quần áo nữ sẽ thống trị thị trường EU, đóng góp 177,10 tỷ USD vào tổng giá trị, tiếp theo là quần áo nam (96,76 tỷ USD) và quần áo trẻ em (52,84 tỷ USD). Thị trường dự kiến sẽ tăng trưởng đều đặn, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 1,55% từ năm 2025 đến năm 2029, với mức tăng trưởng về khối lượng dự kiến là 0,8% vào năm 2026. Đến năm 2029, tổng khối lượng thị trường dự kiến sẽ đạt 22,10 tỷ chiếc.

Tính theo đầu người, thị trường may mặc

EU tạo ra doanh thu 731,50 USD/người/năm, với mức tiêu thụ trung bình là 48 sản phẩm/cá nhân vào năm 2025. Đáng chú ý, 91% doanh số bán hàng trong thị trường may mặc EU là từ các mặt hàng không xa xỉ, cho thấy sở thích mạnh mẽ đối với thời trang dễ tiếp cận.

Hiệp định EVFTA cũng tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn cho các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, trong đó dệt may là một trong những ngành hưởng lợi lớn nhất. Điều này thể hiện ở thị phần hàng dệt may của Việt Nam trong tổng nhập khẩu dệt may của EU từ ngoài khối đã cải thiện từ mức 3,9% (năm 2019) lên 4,7% (năm 2024).

Tuy vậy, để tận dụng tối đa các cơ hội này, ngành dệt may Việt Nam cần chú trọng đến việc tuân thủ các yêu cầu về phát triển bền vững, tuần hoàn, nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Ngoài các thị trường chủ lực trong khối như Hà Lan, Đức, Pháp, Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may sang các thị trường tiềm năng khác như Luxembua, Bồ Đào Nha, Manta...

Tình hình kinh tế, thương mại của EU trong bối cảnh căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ

Bất chấp những đòn thuế quan từ Hoa Kỳ, nền kinh tế Liên minh châu Âu vẫn cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ hơn dự kiến trong quý đầu tiên của năm 2025. Theo Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), trong quý I/2025, nền kinh tế của 27 quốc gia Liên minh châu Âu (EU) ghi nhận tăng trưởng 0,3% so với quý IV/2024 trong ba tháng đầu năm 2025. Trong khi đó, kinh tế Eurozone đã ghi nhận mức tăng trưởng 0,4%, cao hơn mức dự báo 0,2%.

Sự tăng trưởng kinh tế tốt hơn dự báo là nhờ việc các doanh nghiệp EU đẩy mạnh giao hàng trước thời điểm các mức thuế quan mới của Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực. Cùng với đó, tỷ lệ lạm phát tại EU có xu hướng giảm trong khi sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi, tỷ lệ thất nghiệp giảm, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tăng.

Theo ước tính từ Eurostat, tỷ lệ lạm phát hàng năm của Khu vực EU dự kiến là 2,5% vào tháng 3/2025, giảm so với cùng mức 2,7% vào tháng 02/2025 và giảm 2,6% so với tháng 3/2024. Trong đó, đóng góp cao nhất vào tỷ lệ lạm phát hàng năm của khu vực đồng euro đến từ dịch vụ (+1,56 điểm phần trăm), tiếp theo là thực phẩm, rượu và thuốc lá (+0,57 điểm phần trăm), hàng công nghiệp phi năng lượng (+0,16 điểm

phần trăm), nhưng năng lượng (-0,10 điểm phần trăm). Sản xuất công nghiệp được điều chỉnh theo mùa của Liên minh châu Âu (EU) tháng 02/2025 tăng 1,0% so với tháng 01/2025 và tăng 0,6% so với tháng 02/2024. Còn tỷ lệ thất nghiệp được điều chỉnh theo mùa của khu vực EU là 5,7% vào tháng 02/2025, giảm so với mức 5,8% tháng 01/2025 và giảm so với mức 6,1% trong tháng 02/2024.

Hoạt động thương mại hàng hóa giữa EU với thị trường ngoại khối cũng dần phục hồi. Theo ước tính của Eurostat, thặng dư thương mại của EU tháng 02/2025 ghi nhận kết quả khả quan so với tháng 01/2025, tăng từ mức thâm hụt 5,6 tỷ euro lên thặng dư 23,0 tỷ EUR. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa ra ngoài EU đạt 225,4 tỷ EUR, tăng 7% so với tháng 02/2024; nhập khẩu đạt 202,4 tỷ EUR, tăng 7,2%.

Tính chung hai tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hàng hóa của EU đạt 434,3 tỷ EUR, tăng 5,8%; nhập khẩu đạt 416,9 tỷ EUR, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả là, EU ghi nhận thặng dư 17,4 tỷ EUR (thấp hơn so với mức thặng dư 28,5 tỷ EUR cùng kỳ năm ngoái). Trong khi đó, thương mại nội khối EU ổn định ở mức 671,8 tỷ EUR.

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong tháng 02 và 2 tháng đầu năm 2025 (ĐVT: Tỷ EUR)

Hoạt động	Tháng 02/2024	Tháng 02/2025	So sánh (%)	2 tháng đầu năm 2024	2 tháng đầu năm 2025	So sánh (%)
Xuất khẩu ngoài EU	210,6	225,4	7,0	410,5	434,3	5,8
Nhập khẩu ngoài EU	188,8	202,4	7,2	381,9	416,9	9,1
Cán cân thương mại ngoài EU	21,8	23,0		28,5	17,4	
Thương mại nội khối EU	337,5	333,2	-1,3	671,9	671,8	0,0

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

So với cùng kỳ năm 2024, ngành Hóa chất đã chứng kiến mức tăng đáng kể, với mức thặng dư tăng từ 17,3 tỷ EUR lên 28,6 tỷ EUR. Trong khi đó, các ngành như Máy móc và

phương tiện giảm từ 23,7 tỷ EUR xuống 19,4 tỷ EUR. Hàng hóa sản xuất khác chuyển từ thặng dư 2,6 tỷ EUR sang thâm hụt 0,6 tỷ EUR.

Các sản phẩm xuất, nhập khẩu chính của EU trong tháng 02/2025
(ĐVT: Tỷ EUR)

Hàng hóa	Xuất khẩu ngoài EU		Nhập khẩu ngoài EU		Cán cân thương mại	
	Tháng 02/2025	So sánh (%)	Tháng 02/2025	So sánh (%)	Tháng 02/2025	Tháng 02/2024
Tổng	225,4	7,0	202,4	7,2	23	21,8
Hàng sơ cấp:	34	0,5	59,5	4,0	-25,5	-23,4
Thực phẩm và đồ uống	17,3	3,0	13,9	18,3	3,4	5,1
Nguyên liệu thô	6,4	9,2	7,3	-0,9	-1,0	-1,6
Năng lượng	10,3	-7,7	38,2	0,5	-27,9	-26,9
Hàng hóa sản xuất:	187,2	8,0	139,8	7,8	47,4	43,6
Hóa chất và sản phẩm liên quan	58,2	36,0	29,6	16,1	28,6	17,3
Máy móc và phương tiện	82,6	-1,9	63,2	4,6	19,4	23,7
Hàng hóa sản xuất khác	46,5	0,3	47	7,5	-0,6	2,6
Hàng hóa khác	4,2	17,9	3,1	60,8	1,1	1,6

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Các đối tác thương mại chính của EU trong tháng 02/2025
(ĐVT: Tỷ EUR)

Thị trường	Xuất khẩu ngoài EU		Nhập khẩu ngoài EU		Cán cân thương mại	
	Tháng 02/2025	So sánh (%)	Tháng 02/2025	So sánh (%)	Tháng 02/2025	Tháng 02/2024
Hoa Kỳ	51,8	22,4	28,2	2,4	23,6	14,8
Trung Quốc	17	-0,2	43,2	13,3	-26,1	-21
Vương quốc Anh	28,7	0,2	13,4	-4,4	15,4	14,7
Thụy Sĩ	20,9	34,8	12,5	12,5	8,4	4,4
Thổ Nhĩ Kỳ	9,9	-0,6	8,3	6,9	1,6	2,2
Na Uy	5,3	6,3	8,5	5,3	-3,2	-3,1
Nhật Bản	6,0	12,7	5,0	-8,7	1,0	-0,2
Hàn Quốc	4,5	-6,3	5,6	21,0	-1,1	0,2
Ấn Độ	3,9	-7,9	5,6	11,8	-1,7	-0,8
Brazil	3,4	-3,9	3,4	8,8	0	0,5

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong năm 2024 và tháng 01/2025

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, năm 2024, trao đổi thương mại hàng hóa giữa EU và thị trường ngoại khối giảm so với năm 2023. Trong đó, xuất khẩu tăng 1,1%,

đạt xấp xỉ 2.584 tỷ EUR; nhập khẩu giảm 3,4%, đạt 2.437,6 tỷ EUR. Thương mại hàng hóa của EU với nhiều thị trường ngoại khối giảm, nhưng với Hoa Kỳ tăng.

Theo số liệu từ Eurostat, tháng 01/2025, trao đổi thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối đạt 423,32 tỷ EUR,

tăng 7,7% so với tháng 01/2024. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối đạt 208,8 tỷ EUR, tăng 4,5%; nhập khẩu đạt 214,44 tỷ EUR, tăng 11%. Tháng 01/2025, trao đổi hàng hóa của EU với hầu hết các thị trường ngoại khối tăng, ngoại trừ Nhật Bản, Úc.

Mặc dù có những căng thẳng, nhưng Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu quan trọng của EU. Năm 2024, trao đổi thương mại hàng hóa giữa EU và Hoa Kỳ đạt 867,34 tỷ EUR, tăng 1,9% so với năm 2023. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của EU sang Hoa Kỳ đạt 532,3 tỷ EUR, tăng 5,7%; nhập khẩu của EU

từ Hoa Kỳ giảm 3,5%, đạt trên 335 tỷ EUR. EU ghi nhận thặng dư thương mại với Hoa Kỳ đạt 197,27 tỷ EUR trong năm 2024, cao hơn mức 156,65 tỷ EUR vào năm 2023.

Theo số liệu từ Eurostat, tháng 01/2025, trao đổi thương mại hàng hóa của EU với thị trường Hoa Kỳ đạt 77,1 tỷ EUR, tăng 12,3% so với tháng 01/2024. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của EU sang Hoa Kỳ đạt 47,5 tỷ EUR, tăng 18%; nhập khẩu của EU từ Hoa Kỳ tăng 4,3%, đạt 29,58 tỷ EUR. Trong tháng 01/2025, EU xuất siêu sang Hoa Kỳ ở mức 17,94 tỷ EUR cao hơn mức 11,89 tỷ EUR vào tháng 01/2024.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong năm 2024 và tháng 01/2025

Thị trường	Xuất khẩu (Triệu EUR)		Nhập khẩu (Triệu EUR)		Cán cân thương mại (Triệu EUR)	
	Năm 2024	So với năm 2023 (%)	Năm 2024	So với năm 2023 (%)	Năm 2024	Tháng 01/2025
EU ngoại khối	2.583.950	1,1	2.437.593	-3,4	146.357	-5.567
Hoa Kỳ	532.306	5,7	335.035	-3,5	197.271	17.938
Anh	340.898	1,4	164.217	-9,3	176.681	15.278
Trung Quốc	213.219	-4,6	519.007	-0,3	-305.789	-31.243
Thụy Sĩ	193.440	2,4	134.882	-2,8	58.558	5.676
Thổ Nhĩ Kỳ	112.323	0,8	98.385	2,6	13.938	-302
Nhật Bản	66.864	4,5	63.754	-10,6	3.110	394
Na Uy	62.848	2,5	98.018	-13,0	-35.170	-4.433
Hàn Quốc	55.732	-2,7	68.135	-7,2	-12.403	-1.906
Mêhicô	53.151	0,0	29.206	0,8	23.946	814
Ấn Độ	48.771	0,7	71.281	9,0	-22.510	-2.286
Canada	48.061	-1,3	27.899	0,8	20.162	927
AI Len	47.335	-0,4	98.911	0,5	-51.576	-5.247
UAE	44.398	14,3	11.218	-34,8	33.181	3.379
Braxin	43.567	1,1	45.984	3,1	-2.417	-382
Ukraina	42.767	9,4	24.494	7,0	18.273	1.281
Úc	38.696	0,6	10.719	-21,9	27.977	1.942
Ả Rập Xê út	36.840	7,5	33.070	-9,5	3.770	708
Marôc	35.282	6,5	25.309	7,7	9.973	1.033
Nga	31.547	-17,3	35.982	-29,2	-4.435	-1.125
Singapore	30.293	-5,8	17.796	-11,1	12.498	787

► THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

Thị trường	Xuất khẩu (Triệu EUR)		Nhập khẩu (Triệu EUR)		Cán cân thương mại (Triệu EUR)	
	Năm 2024	So với năm 2023 (%)	Năm 2024	So với năm 2023 (%)	Năm 2024	Tháng 01/2025
Đài Loan	28.623	-5,9	43.331	-9,4	-14.707	-1.525
Israel	26.652	4,3	15.935	-1,1	10.717	759
Nam Phi	24.228	-6,6	20.536	-12,7	3.692	333
Serbia	24.055	2,9	18.820	2,2	5.235	334
Hồng Công	24.050	-6,3	4.282	-20,1	19.768	1.404
Ai Cập	19.915	-6,0	12.616	9,1	7.299	327
Malaysia	17.841	14,5	28.631	-1,3	-10.790	-839
Angiêri	15.759	5,5	30.643	-12,5	-14.884	-1.240
Thái Lan	14.656	-2,6	27.434	8,1	-12.778	-1.566
Việt Nam	12.273	7,3	54.807	14,8	-42.534	-5.002

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Về cơ cấu mặt hàng

Các mặt hàng xuất khẩu chính của EU sang Hoa Kỳ bao gồm : máy móc và thiết bị, dược phẩm, hóa chất, và phương tiện vận tải. Các mặt hàng nhập khẩu chính của EU từ Hoa Kỳ bao gồm: nhiên liệu, máy móc, dược phẩm, và hàng không.

Theo số liệu của Eurostat, năm 2024, trao đổi thương mại các mặt hàng hóa chủ lực giữa Hoa Kỳ và EU vẫn ghi nhận tăng trưởng tốt, trong đó EU chủ yếu xuất siêu nhiều mặt hàng sang Hoa Kỳ ngoại trừ các mặt

hàng mã HS 27 và 88. Cụ thể, năm 2024, hai mặt hàng HS 30 và 84 đạt kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ cao nhất, lần lượt là 104,7 tỷ EUR và 91,8 tỷ EUR, tăng lần lượt 24,3% và 1,7% so với năm 2023; mặt hàng HS 27 (nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và sản phẩm chưng cất liên quan) tuy có mức trị giá nhập khẩu từ Hoa Kỳ lớn nhất là 76,7 tỷ EUR nhưng ghi nhận tăng trưởng âm 10,5% so với năm 2023, thể hiện EU đang có xu hướng giảm nhập khẩu nguyên liệu từ Hoa Kỳ.

10 mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ lực giữa EU và Hoa Kỳ trong năm 2024

Mã HS	Xuất khẩu (Triệu EUR)		So với năm 2023 (%)		Nhập khẩu (Triệu EUR)		So với năm 2023 (%)		Cán cân thương mại (Triệu EUR)	
	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ
84	409.474	91.830	1,2	1,7	279.863	53.296	3,5	6,7	129.611	38.534
30	292.303	104.693	11,5	24,3	104.123	36.556	-0,9	-10,0	188.180	68.137
87	270.468	52.550	-6,7	-7,4	135.576	11.738	-6,9	-15,0	134.892	40.812
85	227.817	39.352	1,5	6,1	335.825	18.100	-5,6	-8,4	-108.009	21.253
90	128.942	36.319	3,1	4,1	89.769	27.881	1,3	0,1	39.174	8.437
29	68.389	31.898	-1,5	24,0	96.347	18.965	1,5	14,9	-27.958	12.933
27	130.171	12.185	-8,6	-23,2	466.423	76.724	-14,5	-10,5	-336.252	-64.539

► THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

Mã HS	Xuất khẩu (Triệu EUR)		So với năm 2023 (%)		Nhập khẩu (Triệu EUR)		So với năm 2023 (%)		Cán cân thương mại (Triệu EUR)	
	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ	Ngoại khối EU	Hoa Kỳ
88	67.381	13.534	1,8	26,0	35.749	18.768	-0,8	-4,4	31.632	-5.234
39	73.887	10.119	1,0	0,4	60.145	9.600	3,3	0,7	13.742	519
33	46.102	9.673	15,2	64,4	12.953	2.691	9,6	2,5	33.148	6.982

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế của EU trong quý I/2025 được dự báo khó duy trì trong các quý tiếp theo do thời điểm thống kê chỉ được tính đến hết ngày 31/3/2025, trước khi Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump công bố gói thuế quan vào ngày 02/4/2025.

Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã thông báo áp thuế 20% đối với phần lớn hàng hóa nhập khẩu từ EU kể từ ngày 02/4/2025, sau đó tuyên bố tạm dừng trong 90 ngày, nhưng vẫn áp mức thuế cơ bản 10% với toàn bộ hàng hóa nhập khẩu vào thị trường này. Nếu EU và Hoa Kỳ không đạt được thỏa thuận thương mại, mức thuế quan cao hơn sẽ được áp dụng, có thể gây ra một “cuộc

chiến thương mại” và làm tổn hại nghiêm trọng cho kinh tế khu vực EU. Trong khi đó, hiện tại, mức thuế 25% đối với thép, nhôm và ô-tô nhập khẩu vẫn được áp dụng.

Cuộc chiến thuế quan leo thang giữa EU và Hoa Kỳ tạo ra những rào cản thương mại, làm tăng chi phí cho doanh nghiệp và người tiêu dùng ở cả hai bờ Đại Tây Dương. Các biện pháp thuế quan có thể ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, làm giảm hiệu quả kinh tế và có nguy cơ làm suy yếu tăng trưởng GDP của cả EU (ước tính có thể giảm tới 2,5% trong trường hợp chiến tranh thương mại toàn diện) và Hoa Kỳ.

Năm 2025, lạm phát tại EU dự kiến sẽ giảm xuống mức 2,3-2,4%, nhưng vẫn còn những lo ngại về áp lực giá cả, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ. Thị trường lao động EU vẫn tương đối ổn định với tỷ lệ thất nghiệp dự kiến khoảng 5,9-6,3%.

Để đối phó với lạm phát giảm và tăng trưởng chậm, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã hạ lãi suất 4 lần trong năm 2024 và dự kiến sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm 2025.

Tuy nhiên, Chủ tịch ECB Christine Lagarde cũng nhấn mạnh rằng cần áp dụng cách tiếp cận «dựa trên dữ liệu» và thận trọng khi điều chỉnh chính sách. Mặc dù có lời kêu gọi hạ lãi suất thêm 1 điểm phần trăm trong năm 2025, ECB có thể sẽ giữ lãi suất ở mức trung lập - không thúc đẩy cũng không kìm hãm tăng trưởng.



Khuyến nghị doanh nghiệp về quy định mới rà soát quản lý nhập khẩu nông sản thực phẩm vào EU

EU là một trong ba thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Trung Quốc. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng NLTS sang EU trong giai đoạn 2017 - 2024 chiếm khoảng 8,9 – 10,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này, đạt trung bình 4,17 tỷ USD/năm, chiếm 8,5 – 13% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng NLTS của cả nước.

Đặc biệt, EVFTA có hiệu lực là cơ hội mở rộng thị trường, tạo lợi thế cạnh tranh cho các mặt hàng NLTS chiến lược và có thế mạnh nhờ ưu đãi thuế quan. Trên thực tế, EU là thị trường có nhu cầu tiêu thụ cao và ổn định đối với các mặt hàng nông sản, trong khi hàng nông sản của Việt Nam là nông sản nhiệt đới, ít cạnh tranh trực tiếp với hàng nông sản của châu Âu, do vậy dư địa thị trường còn tương đối lớn. Tuy nhiên, để tiếp cận và đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang EU đặt ra bài toán không hề dễ dàng cho các doanh nghiệp Việt bởi EU là thị trường nhập khẩu với những yêu cầu tiêu chuẩn, chất lượng rất cao. Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được liệt vào danh mục hàng đầu; trong đó, truy xuất nguồn gốc được khách hàng đặc biệt quan tâm và Global GAP là tiêu chuẩn tối thiểu. Đa số ngành hàng nông sản của nước ta vẫn vấp phải những hạn chế do tồn dư thuốc bảo vệ thực vật (BTVT), thiếu tính đồng nhất trong từng lô hàng, công tác thu hoạch, bảo quản chưa tốt nên chất lượng chưa đảm bảo.

EU cũng đang siết chặt nhập khẩu các mặt hàng này khi tiếp tục ban hành Quy định số 2024/3153 (có hiệu lực từ ngày 08 tháng 01 năm 2025) về rà soát áp dụng các biện pháp tăng cường kiểm tra bổ sung, biện pháp khẩn cấp quản lý nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm từ bên ngoài vào EU theo Quy định 2019/1793 và đưa ra quyết định đối với một số nông sản, thực phẩm có nguồn gốc từ Việt Nam như sau:

(1) Nâng tần suất kiểm tra mặt hàng sâu riêng từ 10% lên 20% do trong thời gian qua, tỷ lệ cảnh báo về tồn dư thuốc BTVT trong các lô hàng sâu riêng xuất khẩu sang EU vẫn còn cao.

(2) Áp dụng tần suất kiểm tra tại biên giới đối với thanh long từ 30%; đậu bắp và ớt, áp dụng tần suất kiểm tra 50%, đồng thời kèm theo các lô hàng là Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và kết quả phân tích kiểm nghiệm về dư lượng thuốc BTVT tồn dư trong sản phẩm (theo quy định tại Phụ lục II). Lý do trong thời gian qua, số các lô hàng thanh long, ớt và đặc biệt là đậu bắp xuất khẩu sang EU vẫn còn bị cảnh báo, vi phạm quy định MRL không giảm.

Thị trường EU với các yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng và truy xuất nguồn gốc nông sản, đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam phải chuẩn bị kỹ lưỡng và đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao. Tuy nhiên, với chiến lược phù hợp, các doanh nghiệp không chỉ vượt qua thách thức mà còn tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần tại khu vực này. Theo đó, các doanh nghiệp cần lưu ý:

(1) Tuân thủ quy định dư lượng hóa chất cho phép và đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt từ các nhà nhập khẩu;

(2) Chứng nhận kiểm dịch thực vật là yêu cầu bắt buộc để sản phẩm vào thị trường EU. Doanh nghiệp cần hợp tác chặt chẽ với cơ quan kiểm dịch tại Việt Nam để đảm bảo quy trình kiểm tra và cấp chứng nhận đúng chuẩn;

(3) Chuẩn bị đối phó với tỷ lệ kiểm tra cao: sản phẩm từ Việt Nam có thể nằm trong danh mục rủi ro cao, dẫn đến tỷ lệ kiểm tra cao hơn. Do đó, cần nâng cao kiểm soát chất lượng tại nguồn, đặc biệt với các loại nông sản như ớt, đậu và trái cây nhiệt đới. Đồng thời, chuẩn bị hồ sơ đầy đủ về quy trình sản xuất và kiểm tra để giải quyết kịp thời khi có vấn đề phát sinh;

(4) Đầu tư vào sản xuất bền vững, chứng minh nỗ lực bảo vệ môi trường thông qua các chứng nhận như GlobalGAP, Rainforest Alliance hoặc Fairtrade.

EU nói lỏng thủ tục hành chính đối với luật phá rừng

Liên minh châu Âu (EU) đang giảm bớt gánh nặng hành chính của các quy định nhằm hạn chế nạn phá rừng trên toàn cầu bằng cách tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà nhập khẩu trong việc chứng minh rằng họ đã hoàn tất các thủ tục giấy tờ cần thiết, theo Bloomberg.

Ủy ban châu Âu, cơ quan hành pháp của khối, cho biết các công ty sẽ có thể nộp báo cáo thẩm định trách nhiệm theo năm thay vì cho mỗi lô hàng mà họ nhập khẩu. Đồng thời, EU cũng giảm bớt nghĩa vụ của các doanh nghiệp trong việc kiểm tra các đối tác ở các khâu sâu hơn trong chuỗi cung ứng.

Nỗ lực của EU nhằm hạn chế nạn phá rừng không chỉ trong nội khối mà còn ở các quốc gia như Brazil, đã trở thành một trong những yếu tố gây tranh cãi nhất trong kế hoạch Thỏa thuận Xanh của khối.

Luật này nhằm giải quyết nạn phá rừng ở các nước sản xuất các mặt hàng như cà phê, ca cao, đậu nành và thịt bò, đã bị chỉ trích là can thiệp quá mức ra ngoài phạm vi toàn cầu và gây nhiều thủ tục hành chính phức tạp cho nông dân và các nhà nhập khẩu.

Jessika Roswall, Ủy viên môi trường của EU, cho biết: “Mục tiêu của chúng tôi là giảm gánh nặng hành chính cho các doanh nghiệp trong khi vẫn giữ nguyên các mục tiêu của quy định. Chúng tôi cam kết thực thi các quy định của EU về nạn phá rừng.”

Ủy ban cho biết các biện pháp này dự kiến sẽ giúp giảm 30% chi phí hành chính.

Sau nhiều tháng chịu áp lực, EU đã hoãn việc thực thi các quy định này thêm một năm, theo đó sẽ bắt đầu có hiệu lực vào cuối năm 2025. Ủy ban dự kiến sẽ phân loại các quốc gia theo mức độ rủi ro phá rừng từ nay đến cuối tháng 6.



Vụ Phát triển Thị trường nước ngoài

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574